

# TÌM HIỂU BA CUỘC ĐẠI HỘI CỦA ĐẢNG

THANH ĐAM

**S**AU khi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã toàn thắng trên cả nước, và quá trình thống nhất Tổ quốc về mặt Nhà nước đã hoàn thành, toàn Đảng, toàn dân ta đang đón chờ cuộc đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

Chắc chắn rằng cuộc Đại hội IV sắp tới sẽ là sự kiện lịch sử hết sức quan trọng, mở đầu cho một giai đoạn phát triển mới của Đảng cũng như của giai cấp công nhân và của cả dân tộc.

Về phương diện sử học, chúng ta nghiên cứu lại ba cuộc Đại hội toàn quốc của Đảng trước đây, chắc sẽ góp phần phục vụ cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong cả nước ta nắm vững đầu mối lịch sử của những sự kiện

đã dẫn tới thành công vĩ đại ngày nay.

Ba cuộc đại hội Đảng trước đây đã diễn ra trong những hoàn cảnh lịch sử khác nhau như thế nào? Mỗi cuộc Đại hội đã giải quyết những vấn đề gì của cách mạng, của đất nước? Những nghị quyết của mỗi cuộc Đại hội đã được thể hiện như thế nào trong thực tế của cách mạng Việt-nam?...

Những vấn đề trên đây có liên quan mật thiết đến lịch sử Đảng cũng như lịch sử dân tộc. Chúng ta có thể tìm hiểu nó thông qua việc nghiên cứu lần lượt từng cuộc Đại hội toàn quốc của Đảng:

- Đại hội lần thứ nhất, tháng 3-1935
- Đại hội lần thứ hai, tháng 2-1951
- Đại hội lần thứ ba, tháng 9-1960.

## I

### ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẢNG.

**C**UỘC Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Đảng họp từ ngày 27 đến ngày 31 tháng 3 năm 1935 ở Ma-cao, khu tô giới của Bồ-đào-nha trên lãnh thổ Trung-quốc.

Lúc này Đảng Cộng sản Đông-dương đã từng trải qua một cuộc khủng bố dữ dội sau khi cao trào cách mạng 1930 - 1931 bị thất bại. Nhưng Đảng cũng đã vượt qua được những thử thách gay go nhất và đang bắt đầu khôi phục lại tổ chức Đảng cũng như phong trào quần chúng.

Sự thiệt hại của Đảng ta trong thời kỳ thoái trào thật là to lớn. Đầu năm 1932, cơ sở Đảng ở Bắc, Trung, Nam bị tan rã hầu hết, Ban chấp hành Trung ương không còn nữa. Phần lớn đảng viên ở trong nước đã bị bắt. Nhiều người đã hy sinh trước mũi súng quân thù hoặc dưới chế độ lao tù khắc nghiệt của đế quốc Pháp và phong kiến Nam

triều. 295 chính trị phạm bị giam ở Đắc-pao đã chết 215 người, chỉ còn 80 người sống sót. Nhiều đảng viên không bị bắt thì cũng mất liên lạc. Một số rất ít cán bộ chạy thoát lên núi, hoặc vượt biên giới sang Lào, sang Xiêm...

Lúc đó bọn thực dân Pháp đã yên chí coi như phong trào cách mạng Việt-nam bị tiêu diệt rồi. Pi-e Pa-xki-ê, toàn quyền Đông-dương khoe khoang: «Đầu đầu cũng yên ổn cả!» Pôn Ray-nô, bộ trưởng thuộc địa Pháp tuyên bố: «Đầu đầu cũng thấy trung thành với nước Pháp» (1).

Nhưng bọn thực dân thống trị đã huênh hoang quá sớm. Phong trào cách mạng Việt-nam do Đảng Cộng sản Đông-dương lãnh đạo chỉ bị thất bại và thoái lui tạm thời mà không hề bị tiêu diệt, không hề bị dập tắt.

Với bản chất kiên cường bất khuất của người chiến sĩ cộng sản, nhiều đảng viên, cán bộ không bị sa lưới địch, hoặc vừa thoát khỏi nhà tù đã tìm mọi cách chấp, mối liên lạc với nhau, dần dần xây dựng lại tổ chức Đảng và tổ chức quần chúng. Nhờ đó phong trào cách mạng đã sớm hồi phục.

Năm 1931 - 32 ở Lào có một chi bộ Đảng ở Viên-chăn, đến năm 1934 đã xây dựng thêm được cơ sở ở Xa-va-na-khét, Thà-khét, Pắc-xế và thành lập lại Xứ ủy Lào. Một số cán bộ Việt kiều ở Thái-lau đã về Nghệ-tĩnh, bắt liên lạc với các đồng chí còn lại ở đây, thành lập lại Tỉnh ủy Nghệ-an.

Ở Quảng-trị, Quảng-ngãi, Bình-định, các đồng chí đảng viên tuy chưa lập lại được các ban lãnh ủy, nhưng cũng đã gây dựng lại được một vài tổ chức quần chúng như hội thợ máy, hội công nhân đất đỏ v.v...

Ở Bắc-kỳ, từ năm 1932 đến năm 1934 một số cơ sở Đảng đã được phục hồi ở Hà-nội, Phúc-yên, Sơn-lầy, Nam-định, Hưng-yên, Hà-nam; có các ban Tỉnh ủy lâm thời. Riêng tỉnh Cao-bằng, từ 1929 đến 1931 cơ sở vẫn vững, có chi bộ Đảng ở hầu hết các huyện, đã lãnh đạo quần chúng chống thuế, chống đi phu thặng lợi. Tổ chức Đảng và quần chúng ở Cao-bằng được duy trì mãi đến ngày Đại hội Đảng 1935.

Trong khi đó ở Nam-kỳ, các đồng chí ra khỏi nhà tù đã xây dựng được nhiều cơ sở nông thôn và thành thị ở các tỉnh Vinh-long, Sa-đéc, chấp được liên lạc giữa các tỉnh miền Trung và miền Tây Nam-bộ, dọc theo hữu ngạn sông Cửu-long lên đến Nông-pênh, rồi thành lập ra Đặc ủy Hậu-giang, xây dựng lại Xứ ủy Nam-kỳ.

Điều đáng chú ý là trong hoàn cảnh bí mật, hoạt động còn rất khó khăn, liên lạc giữa các địa phương chưa được chấp nối, nhưng ở đâu Đảng đã phục hồi được cơ sở thì thường có ra báo bí mật của Đảng. Nghệ-tĩnh có các tờ « Dân cày », « Chặt xiềng », « Chuông cách mạng » (có tài liệu ghi là « Sóng cách mạng ».) Ở Thái-bình có tờ « Dân nghèo », còn các tỉnh khác ở Bắc-kỳ chưa rõ. Ở Nam-kỳ có các tờ « Xô-viết », « Thợ thuyền », « Lao động », « Mặt trận đỏ », « Cờ vô sản » v.v...

Những tờ báo này thường chỉ ra được một vài số, dăm bảy số rồi đình bản vì các ban Tỉnh ủy, Xứ ủy sau khi được phục hồi thường bị khủng bố, có khi phải tan đi lập lại đời ba lần. Dầu sao sự phục hồi cơ sở Đảng và các tờ báo Đảng làm công cụ tuyên truyền, tổ chức cách mạng ở một số địa phương đã

chứng tỏ sự cố gắng rất lớn của các chiến sĩ cộng sản Việt-nam.

Tuy nhiên, để có một phong trào cách mạng mới trong toàn quốc mà chỉ được như thế thì chưa đủ. *Yêu cầu cấp bách lúc đó là phải xây dựng được một trung tâm lãnh đạo cho toàn Đảng* để có đường lối chủ trương chung và quy tụ phong trào các địa phương về một mối.

Từ năm 1932, một số cán bộ xuất sắc của Đảng hoạt động ở ngoài nước đã tích cực đặt vấn đề tổ chức lại cơ quan đầu não của Đảng. Nhờ sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Trung-quốc, Đảng Cộng sản Liên-xô và sự hướng dẫn của Đồng Phương bộ Quốc tế Cộng sản đóng ở Thượng-hải, năm 1933, một đoàn cán bộ của Đảng Cộng sản Đông-dương đã tới Mạc-tư-khoa để gặp Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản xin ý kiến.

Tài liệu đảng trong Tập chí « Quốc Tế Cộng Sản » cho chúng ta hiểu thêm vấn đề này: Trong cuộc tiếp xúc giữa đồng chí Oóc-van-đô, ủy viên chấp hành Quốc tế Cộng sản với các đồng chí Đảng Cộng sản Đông-dương, mấy câu hỏi đã được đặt ra có liên quan đến vấn đề phục hồi Đảng và cơ quan đầu não của Đảng: « ...5. Trong điều kiện các cán bộ lãnh đạo bị bắt, cơ quan trung ương cũng như các địa phương bị phá vỡ, Đảng phải rút hẳn vào bí mật, thì nhiệm vụ cơ bản lúc này đặt ra trước Đảng như thế nào? Đảng phải bắt đầu từ việc gì?... 6. Phải chăng thoạt đầu nên xây dựng cơ quan trung tâm cấp huyện và cấp tỉnh, sau đó mới đặt vấn đề xây dựng Ủy ban Trung ương?... 7. Có thể thành lập một ban Chấp hành trung ương lâm thời mà không có sự bầu cử từ dưới được không? Làm như vậy có vi phạm nguyên tắc dân chủ của Đảng hay không?... 8. Có thể thành lập được một cơ quan trung tâm của Đảng ở ngoài nước không?... » (2).

Dưới sự hướng dẫn của Quốc tế Cộng sản, Ban Hải ngoại của Đảng ta được thành lập trong đó có ba đồng chí Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập và Phùng Chí Kiên. Ban Hải ngoại đã tổ chức được cơ sở hoạt động ở Hương-cảng, Nam-kinh, Thượng-hải và một số nơi khác ở Trung-quốc. Tờ « *Tạp chí Bốn-sé-vích* » do Ban Hải ngoại phát hành được chuyển về trong nước nhằm phân tích các vấn đề thời sự chính trị, giải thích chương trình hành động của Đảng, đăng tóm tắt điều lệ Đảng, điều lệ Thanh niên Cộng sản đoàn v.v... Tờ tạp chí được coi là cơ quan lý luận trung ương của Đảng. Cùng với tờ « *Tạp chí Bốn-sé-vích* », Ban Hải ngoại đã chấp được mối

liên hệ với các cơ sở Đảng ở trong nước từ Bắc-kỳ đến Trung-kỳ, Nam-kỳ và Lào.

Tháng 6-1934 có cuộc « *Hội nghị nhân viên ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông-dương ở hải ngoại với các đại biểu các đảng bộ ở trong nước* » (3). Nội dung cuộc hội nghị này hoàn toàn phù hợp với bản « *Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông-dương - Chi bộ độc lập của Quốc tế cộng sản* » do các đồng chí ở hải ngoại thảo ra từ tháng 6-1932 và đã được Quốc tế cộng sản công nhận.

Qua văn kiện của cuộc hội nghị quan trọng này, chúng ta càng hiểu thêm về hoạt động đấu tranh của quần chúng trong nước trong những năm 1933-1934: ... « Những cuộc đình công ở Huế, Sài-gòn, Gia-định và Nam-vang, những cuộc biểu tình ở Nghệ-an, Hà-tĩnh Phan-trang, Sài-gòn và Cao-miên; những cuộc bãi công ở mỏ Bo-neng và Phông-chiu ở Lào; các cuộc đình công của công nhân Cao-bằng, việc chống nộp thuế ở Nam-bộ; các cuộc nổi dậy của người Thượng, việc chia thóc ở Miền và Sóc-trăng Nam-bộ, các cuộc bãi công ở Sài-gòn và Vạn-tượng; các cuộc biểu tình của chính trị phạm, các cuộc bãi thị ở Hải-phòng, Hà-nội, Chợ-lớn, Vạn-tượng v.v... chứng tỏ sức liên tục và mở rộng của phong trào cách mạng. Đặc điểm của các cuộc đấu tranh đó là sự tham gia kiên quyết của vô sản, phụ nữ, thanh niên, ở sự thức tỉnh của các dân tộc thiểu số ở Đông-dương... » (4).

Như vậy chúng ta có thể khẳng định rằng việc chuẩn bị Đại hội Đảng lần thứ nhất được tiến hành khi mà cơ sở tổ chức của Đảng cũng như phong trào quần chúng đang được phục hồi; *thời kỳ thoái trào đã chấm dứt*.

Nhưng để tiến tới một cuộc Đại hội của Đảng, còn có nhiều việc phải làm. Sau Hội nghị tháng 6-1934, « *Cơ quan lâm thời của Đảng ở miền Bắc Đông-dương* » đã được thành lập để liên lạc và chỉ đạo các Đảng bộ ở Bắc-kỳ, miền Bắc Trung-kỳ và Lào. Đến tháng 9-1934 lại tổ chức ra « *Liên cấp ủy miền Nam Đông-dương* » để liên lạc và chỉ đạo các đảng bộ ở Trung và Nam Trung-kỳ, các đảng bộ ở Nam-kỳ và Cao-miên.

Hội ký của đồng chí Xô, xứ ủy viên ở Lào hồi ấy và là một đại biểu trong Đại hội lần thứ nhất của Đảng cho biết rằng « ...khoảng tháng 9, tháng 10 năm 1934, chúng tôi đã nhận được chỉ thị của Ban chỉ huy hải ngoại triệu tập Đại hội Đảng để thông qua việc nhận định tình hình và một số nhiệm vụ trước mắt của Đảng, thông qua chính cương, điều lệ, chương trình hoạt động của Đảng,

của Đoàn và các tổ chức khác, và bầu lại Ban Chấp hành trung ương » (5).

Triệu tập Đại hội toàn quốc của Đảng trong điều kiện sau thoái trào, tất nhiên là không có được những cuộc họp rộng lớn ở các địa phương để cử ra những đoàn đại biểu đông đảo. Sau khi nhận được chỉ thị triệu tập Đại hội, các ban Xứ ủy và các đảng bộ đã họp, thảo luận những vấn đề liên quan đến địa phương mình và toàn quốc. Các đảng bộ Nam-kỳ, Trung-kỳ, Bắc-kỳ và Lào đều cử đại biểu đi dự Đại hội Đảng.

Tờ tạp chí Bôn-sê-vich số 10 ra tháng 2-1935 đăng bài « Trước lúc Đại hội Đảng phải nghiên cứu bản Chương trình hành động của Đảng một cách như thế nào? ». Tài liệu « Ấn nghị quyết của Bắc-kỳ cán bộ hội nghị từ ngày 13 đến ngày 19-3-1933 » đã phản tích những vấn đề tình hình và nhiệm vụ trước mắt của phong trào cách mạng Bắc-kỳ. Các tài liệu trên chứng tỏ rằng Ban Hải ngoại cũng như các đảng bộ đã chú ý trang bị về tư tưởng nhận thức cho các đại biểu trước khi đến Đại hội Đảng.

Một số hồi ký về cuộc Đại hội này đã kể lại lúc đầu Đảng định họp Đại hội ở Hương-cảng; nhưng một sự cố không hay đã xảy ra, khiến cho ban trụ bị Đại hội phải chuyển địa điểm sang Ma-cao. Khu tổ giới này của đế quốc Bồ-đào-nha là một khu ăn chơi trác táng, có nhiều sông bạc, nhà chứa, sân quần ngựa, quần vợt v.v... Giữa cái khu vực hỗn tạp ấy, những người cộng sản Việt-nam đã thuê được ngôi nhà số 2 trên Quan-công-lộ để làm nơi họp Đại hội.

Từ đó đến nay các lão đồng chí chúng ta thường quen gọi Đại hội đầu tiên của Đảng là *Đại hội Ma-cao*.

Tất cả số đại biểu dự họp trong Đại hội chỉ có trên mười người. Con số đó có vẻ ít ỏi! Nhưng đây là lần đầu tiên từ khi Đảng ta thành lập, những người thay mặt cho đảng viên và quần chúng cách mạng khắp các miền, trong cả nước đã họp lại ở đây, nói lên ý chí kiên cường của những người cộng sản quyết đưa cách mạng Việt-nam và Đông-dương tiến lên một bước mới.

Các văn kiện của Đại hội Ma-cao còn giữ lại được đến ngày nay cho phép chúng ta tìm hiểu những vấn đề của cách mạng Việt-nam mà Đại hội đã bàn đến.

Với phương pháp nghiên cứu khách quan khoa học, chúng ta thừa nhận rằng trong lịch sử thường có khi một đội tiên phong

cách mạng cũng chưa nhìn thấy hết các vấn đề mà thực tế cách mạng đã đặt ra. Nếu chúng ta đối chiếu các nghị quyết của Đại hội Ma-cao với tình hình đất nước ta hồi 1934-1935 qua các sách báo của Đảng, của địch, của các tầng lớp trung gian thì có thể khẳng định rằng Đại hội đã đề cập đến nhiều vấn đề trọng yếu của tình hình lúc đó. Có điều là nghị quyết Đại hội Ma-cao được thảo ra tháng 3-1935, trước khi Quốc tế Cộng sản họp Đại hội lần thứ VII vào tháng 7 và 8 năm 1935, nên Đại hội Ma-cao của Đảng ta chưa phản ánh được tinh thần chuyên hướng sách lược của phong trào cộng sản và công nhân thế giới trong thời kỳ 1935-1939.

Trong 5 ngày làm việc, Đại hội Ma-cao đã thông qua 21 văn kiện, cộng 156 trang in, mỗi trang trên dưới 450 chữ.

Văn kiện quan trọng nhất là « *Nghị quyết chính trị của Đại hội* ». Tiếp đó là 10 bản nghị quyết từng phần về các mặt công tác vận động quần chúng:

- Nghị quyết về công nhân vận động.
- " " " nông dân vận động.
- " " " thanh niên vận động
- " " " công tác trong các dân tộc thiểu số.
- " " " phụ nữ vận động
- " " " vận động binh lính
- " " " công tác phản đế liên minh (P.Đ.L.M.)
- " " " đội tự vệ.
- " " " cứu tế đỏ Đông-dương vận động.
- " " " về các bản chương trình hành động.

Tất cả những nghị quyết trên đều ghi rõ « thông qua ngày 28-3-1934 ». Sang ngày 29-3 Đại hội lại thông qua 6 bản điều lệ. Trước hết là « *Điều lệ Đảng Cộng sản Đông-dương* », rồi đến các bản:

- Điều lệ Nông hội làng
- Điều lệ Đông-dương phản đế liên minh.
- Điều lệ Thanh niên Cộng sản đoàn Đông-dương.
- Điều lệ hội Cứu tế đỏ Đông-dương.
- Điều lệ Tổng Công hội Đông-dương.

Ngày 31-3 Đại hội thông qua bản « *Tuyên ngôn của Đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông-dương* » và 6 bức thư gửi cho:

- Chấp ủy Quốc tế cộng sản,
- Trung ương Đảng Bôn-sê-vich Liên bang Xô-viết
- Trung ương Đảng Cộng sản Pháp.
- Trung ương Đảng Cộng sản Xiêm,

- Trung ương Đảng Cộng sản Trung-quốc.
- Trung ương Đảng Cộng sản Ấn-độ.

Nghiên cứu các văn kiện của Đại hội Ma-cao, chúng ta có thể thấy rõ một số vấn đề sau đây:

1. Đại hội Đảng đã nhìn thấy *họa phát-xít và nguy cơ chiến tranh* là những yếu tố mới trong tình hình thế giới, nhưng vẫn *còn giữ khẩu hiệu cũ* theo tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ 13 của Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản tháng 12-1933.

Bản Nghị quyết chính trị đã nhấn mạnh đến tình hình thế giới chia hẳn làm hai hệ thống. Một bên là hệ thống xã hội chủ nghĩa, lúc đó chỉ có một mình Liên bang Xô-viết. Trong khi các xứ tư bản « sinh sản kỹ nghệ còn sụt thua năm 1929 hơn 25 phần trăm », thì kỹ nghệ Xô-viết phát triển nhanh chóng, « năm 1934 hơn bốn lần năm 1913, hơn hai lần năm 1930 »... « Ở Xô-viết liên bang không có nạn kinh tế khủng hoảng, không có nạn thất nghiệp... » «...Xã hội chủ nghĩa ngày nay đã thành một sự tất nhiên, mở rộng đường giải phóng cho lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới » (6).

Trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, Nghị quyết chính trị của Đại hội nói rõ thời kỳ khủng hoảng kinh tế đã hầu như vượt qua, nhưng chỉ đang ở mức độ cầm chừng, chưa dẫn tới một sự phồn vinh mới... « Tư bản chủ nghĩa tuy bị nguy ngập vô cùng... nhưng chó tưởng là tự nhiên nó sẽ đổ nát... cần phải có tay của vô sản và quần chúng lao động, của các Đảng Cộng sản mới trừ diệt được tư bản chủ nghĩa » (7). Đây là một luận điểm lớn của Quốc tế cộng sản hồi đó.

Đại hội cũng vạch rõ tình hình chính trị trong hệ thống tư bản chủ nghĩa: ở Đức, Ý, Ba-lan, Phần-lan, Nam-tu, Áo, Nhật-bản... bọn phát-xít đã nắm quyền thống trị. Dựa trên văn bản của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 13 của Ban chấp hành Quốc tế cộng sản, Đại hội đã phân tích: « Phát-xít chuyên chính là hình thức thống trị bằng bạo lực, bằng khủng bố trắng, của những phần tử hết sức phản động, hết sức vị quốc và hết sức đế quốc trong loại tư bản tài chính » (8).

Nghị quyết chính trị của Đại hội còn vạch rõ bọn phát-xít và chính quyền tư bản chủ nghĩa ở các nước đế quốc đang ráo riết chuẩn bị chiến tranh để chia lại thị trường thế giới, liên công Liên bang Xô-viết và trực tiếp can thiệp vào cách mạng Trung-quốc.

Hồi ký của một số lão đồng chí nói rằng trước Đại hội đã nghe tin về sự hợp tác

giữa Đảng Cộng sản và Đảng Xã hội Pháp đề chống phát-xít, nhưng trong Đại hội Ma-ca-o chưa thấy phân tích kỹ vấn đề sách lược này. Văn kiện Đại hội đã nhấn mạnh đến những cuộc võ trang bạo động ở Áo tháng 2-1934, lập chính quyền Xô-viết ở Tây-ban-nha tháng 10-1934, nông dân vận động rất oanh liệt ở Nhật-bản, Hy-lạp, và nói nhiều về cuộc cách mạng ở Trung-quốc và các khu Xô-viết do Đảng Cộng sản nắm đang phát triển rất nhanh chóng. Đại hội Ma-ca-o đã nhắc lại nhận định cơ bản của Hội nghị thứ 13 Ban chấp hành Quốc tế cộng sản: «Thời kỳ này là thời kỳ của cách mạng và chiến tranh mới... căn cứ theo quá trình phát triển cách mạng vận động toàn thế giới mà đề ra khẩu hiệu «Chinh quyền Xô-viết» là khẩu hiệu trung tâm cho hết thảy các đảng cộng sản» (9).

Chúng ta đều biết rằng mãi đến tháng 7 và tháng 8-1935, tức là bốn tháng sau khi Đại hội Ma-ca-o bế mạc thì Quốc tế cộng sản mới họp Đại hội lần thứ VII và đề ra phương châm sách lược mới nhưng cũng chưa nêu lên khẩu hiệu «chinh quyền Xô-viết» mà chỉ nêu khẩu hiệu thống nhất lực lượng giai cấp công nhân, thành lập mặt trận nhân dân, tranh thủ thật rộng rãi tất cả các lực lượng dân chủ để chống phát-xít, chống chiến tranh. Nghị quyết Đại hội Ma-ca-o chưa phản ánh được tinh thần sách lược mới nói trên là điều hoàn toàn dễ hiểu.

2. Về đường lối cách mạng trong nước, Đại hội Đảng vẫn giữ nguyên tinh thần chỉ đạo chiến lược cách mạng tư sản dân quyền nhưng đã quan tâm nhiều hơn đến chính sách mặt trận đoàn kết dân tộc rộng rãi.

Từ sau ngày cao trào cách mạng 1930 - 1931 bị thất bại, Đảng ta vẫn luôn luôn theo dõi tình hình biến chuyển trong nước. Đại hội Ma-ca-o vạch rõ đến năm 1934 - 1935 nạn kinh tế khủng hoảng ở Đông-dương đã chấm dứt, nhưng đời sống nhân dân vẫn còn khó khăn: «Lúa gạo xuất cảng tăng nhưng thu nhập vẫn sụt»... «Ít ngành sản xuất có vẻ xuất sắc, đó là do nơi bóc lột quần chúng lao động thêm tàn nhẫn»... «Ở Bắc-kỳ và Cao-miên thuế thân, thuế ruộng tuy có bớt xuống từ 10 đến 20 phần trăm nhưng đối với dân chúng thì vẫn còn nặng gấp 2,3 lần hơn trước khi khủng hoảng, vì tiền công sụt, giá lúa hạ, sinh hoạt đắt đỏ» (10).

Trong lúc đó thực dân Pháp đã làm một số việc cải cách hòng xoa dịu lòng căm tức của quần chúng. Nhưng Đại hội Đảng đã

vạch rõ thực chất của những âm mưu đế quốc đó... «Cải cách Luật Gia-long là cốt để trừng trị người cách mạng.. Cải cách quan trường chỉ để những tay trung thành nhất với đế quốc vào tham gia bộ máy thống trị... Bộ tòa kiểm duyệt là một chính sách của đế quốc để thu phục trí thức tư sản, tiểu tư sản, để lừa gạt quần chúng lao động... Bộ tòa kiểm duyệt nào phải là cho tự do ngôn luận đâu, vì chỉ có bọn tư bản phong kiến trung thành với đế quốc mới xin được phép làm báo, vì đế quốc chỉ cần nắm chặt lấy quyền thu lại giấy phép, bỏ tù người đã động bằng ngòi viết đến Chính phủ và người thay mặt Chính phủ...» (11).

Đại hội đã vạch trần tất cả các mâu sắc quốc gia cải lương, từ bọn tay sai cho thực dân Pháp đã bị lộ mặt như Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Văn Vĩnh, đến các khuynh hướng thỏa hiệp như cụ Phan Bội Châu với chủ trương Pháp - Việt đề huề, cụ Huỳnh Thúc Kháng với chủ trương mở hồ tin vào con đường đấu tranh trong Viện Dân biểu.

Bản «Tuyên ngôn của đại biểu Đại hội lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông-dương» nêu rõ: «Đảng Cộng sản chủ trương kéo quần chúng làm cách mạng phản đế và điền địa cho triệt để dặng mưu cho Đông-dương hoàn toàn độc lập, cải thiện sinh hoạt của vô sản và dân chúng lao động, lấy ruộng đất của đế quốc, vua quan, địa chủ, hào lý chia cho nông dân lao động, giải phóng cho các dân tộc thiểu số» (12).

Như vậy chúng ta thấy Đại hội Ma-ca-o vẫn còn giữ tinh thần chỉ đạo chiến lược như «Luận cương chính trị» của Đảng tháng 10-1930. Tuy nhiên đứng trước tình hình mới, trước những âm mưu xảo quyệt của quân thù, trong điều kiện Đảng vừa mới ra khỏi thoái trào, Đại hội Đảng đã nêu lên trong bản Nghị quyết chính trị ba nhiệm vụ chính trước mắt của Đảng là «a) củng cố và phát triển Đảng.. b) Thâu phục quần đại quần chúng... c) Chống đế quốc chiến tranh» (13).

Nghị quyết Đại hội coi việc «... thâu phục quần đại quần chúng là một nhiệm vụ trung tâm, căn bản, cần kíp của Đảng hiện thời». Trước hết Đại hội nêu lên sự cần thiết phải lãnh đạo quần chúng công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ đấu tranh đòi quyền lợi thiết thân và phải tổ chức cuộc vận động giải phóng của các dân tộc thiểu số. Đồng thời Đại hội Đảng đã chú ý đúng mức đến «Mặt trận thống nhất tranh đấu» nhằm lôi kéo quần chúng trong các tổ chức quốc gia

cải lương và phản động cũng như trong các tổ chức cách mạng tiểu tư sản. « Công tác phản đế liên minh » được Đại hội nêu lên thành một bản nghị quyết riêng. Bản nghị quyết này nói rõ: « Đảng Cộng sản phải dùng hết, kéo hết các lực lượng phản đế ở Đông-dương ra mưu cuộc vận động dân tộc giải phóng. Mặt trận phản đế bao hàm chẳng những quần chúng công nhân, nông dân lao động, dân nghèo thành thị, mà cả các lớp, các phân tử lẻ tẻ, cấp tiến trong các giai cấp khác... « không phân biệt chủng tộc, nam nữ, tôn giáo, xu hướng chính trị, đảng phái, hễ ai có tinh chất phản đế là có thể kéo vào mặt trận phản đế » (14).

Nếu so với đường lối vận động quần chúng của Đảng trong thời kỳ cao trào cách mạng 1930 - 1931 thì đường lối mở rộng mặt trận thống nhất tranh đấu và mở rộng mặt trận phản đế liên minh trong Đại hội Ma-cao là một bước phát triển quan trọng rút từ kinh nghiệm xương máu của Đảng trước đây.

3. Một vấn đề nổi bật lên trong Đại hội Ma-cao là sự quan tâm đối với công tác xây dựng tổ chức Đảng và tổ chức quần chúng.

Bản nghị quyết chính trị của Đại hội đã đưa công tác củng cố và phát triển Đảng lên hàng đầu trong ba nhiệm vụ chính trước mắt. Một mặt Đảng yêu cầu «... khuyếch trương tổ chức của Đảng» mặt khác nhấn mạnh công tác tư tưởng «tranh đấu trên hai mặt trận». Bản Nghị quyết chính trị yêu cầu phải «... làm cho hàng ngũ Đảng được thống nhất về lý thuyết và thực hành. nên: a) Cần luôn luôn mở rộng cuộc tự chỉ trích bòn-sé-vích trong các cấp đảng bộ. . b) Cần tranh đấu trên hai mặt trận chống « tả » khuynh và hữu phái là nạn nguy hiểm nhất trong cuộc cách mạng vận động, và các xu hướng thỏa hiệp, đồng thời phải gỡ mặt nạ những lý thuyết phản động (Tam dân chủ nghĩa, Tư-rốt-kit, quốc gia cải lương, xã hội dân chủ) và các lý thuyết cách mạng tiểu tư sản không triệt để; cho quần chúng hay... c) Cần giữ kỷ luật sắt của Đảng... ».

Bản điều lệ Đảng thông qua ở Đại hội Ma-cao là bản điều lệ thứ hai kể từ khi Đảng thành lập. Nếu so với bản điều lệ đầu tiên được thảo ra từ tháng 10-1930 thì căn bản như nhau, chỉ có khác một vài điểm:

- Tên Đảng, bản điều lệ cũ chỉ ghi là « Đảng Cộng sản Đông-dương »; bản điều lệ mới đã ghi thêm trong dấu ngoặc đơn « (Phần bộ của Quốc tế cộng sản) ». Vì sau cao trào cách mạng 1930 - 1931 năng lực lãnh đạo và thành tích chiến đấu của Đảng ta đã được

Quốc tế cộng sản đánh giá cao và công nhận là một phân bộ độc lập của Quốc tế cộng sản.

- Bản điều lệ mới có thêm đề mục « Tôn chỉ của Đảng » mà bản cũ không có. Mục này nói rõ « Đảng Cộng sản Đông-dương là đội tiên phong duy nhất của vô sản giai cấp, tranh đấu để thu phục đa số quần chúng vô sản, lãnh đạo nông dân lao động và tất cả tầng lớp quần chúng lao động khác, chỉ huy họ làm cách mạng phản đế và điền địa... lập chính quyền xô viết công nông binh, đảng dự bị điều kiện tranh đấu thực hiện vô sản chuyên chính, kiến thiết xã hội chủ nghĩa, thời kỳ đầu của cộng sản chủ nghĩa theo chương trình của Quốc tế cộng sản ».

- Đáng chú ý là bản điều lệ mới đã quy định thêm một trong những điều kiện vào Đảng là phải « Có từ 23 tuổi sắp lên » (15) mà điều lệ cũ không đặt ra. Chúng ta đều biết trong cao trào 1930 - 1931 một số đồng chí đã được kết nạp vào Đảng khi mới 16, 17 tuổi. Điều quy định này trong điều lệ mới chắc là để hạn chế tình trạng kết nạp Đảng viên quá dễ dãi. (Nhưng đến hai năm sau, Hội nghị Ban chấp hành trung ương ngày 13 và 14-3-1937 đã quy định «... điều lệ Đảng vẫn là bản điều lệ do Đại hội Đảng chuẩn y năm 1935, nhưng bớt đi mấy đoạn về việc hạn chế tuổi vào Đảng... ») (16).

Song song với công tác củng cố tổ chức Đảng, Đại hội đã chú trọng nhiều đến vấn đề củng cố và phát triển tổ chức quần chúng. Đại hội đã thông qua những nghị quyết cụ thể về công tác vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, dân tộc thiểu số, đã soạn thảo điều lệ cho Tổng Công hội đỏ Đông-dương, cho Nông hội làng, và Thanh niên cộng sản đoàn Đông-dương. Đề thu hút những quần chúng có cảm tình với Đảng, Đại hội cũng ra nghị quyết riêng về vận động cứu tế đỏ và xây dựng điều lệ Hội Cứu tế đỏ Đông-dương. Đề tập hợp các tầng lớp phản đế, Đại hội chủ trương « Chọn một số đảng viên và đoàn viên chuyên môn công tác phản đế liên minh, lập tức tổ chức ra Hội phản đế liên minh... tổ chức khắp toàn xứ Đông-dương những cuộc vận động chống đế quốc Pháp, chống khủng bố trắng, chống đế quốc chiến tranh, ủng hộ cách mạng vận động trong xứ và thế giới... » (17).

Công tác vận động binh lính cũng được Đại hội chú ý nêu thành một nghị quyết, với quan điểm rõ ràng «... Binh lính chỉ là con em của công nông mang lột lính, là một hạng người rất khổ sở, sức tranh đấu của họ rất dũng cảm... Nếu Đảng ta không tổ chức họ

và không lời kéo được họ sang phe cách mạng thì cuộc cách mạng Đông-dương quyết không thể thành công » (18).

Xét về nội dung Đại hội cũng như kết quả vận dụng các nghị quyết của Đại hội vào trong thực tế cách mạng Việt-nam, có thể nói rằng Đại hội Ma-cao là một cái mốc quan trọng trong lịch sử Đảng.

*Cuộc Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Đảng đã đánh dấu một bước phát triển của quá trình phục hồi phong trào cách mạng Việt-nam, tạo ra những điều kiện về tinh thần và tổ chức để đến khi Đảng ta tiếp thu được tinh thần nghị quyết Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII thì có thể đẩy mạnh cuộc vận động cách mạng Việt-nam sang một bước mới.*

Về mặt tinh thần, Đại hội Ma-cao đã khẳng định ý chí chiến đấu kiên cường của Đảng Cộng sản, đội quân tiên phong của giai cấp vô sản Đông-dương. Vượt qua muôn vàn khó khăn của thời kỳ thoái trào, những người cộng sản Đông-dương đã xây dựng lại được Đảng. Điều quan trọng là Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành Trung ương mới gồm có 7 đồng chí (Có hồi ký ghi là 7 ủy viên chính thức và hai ủy viên dự khuyết. Vấn đề nhân sự này xin chờ sự xác minh của các đồng chí làm công tác nghiên cứu lịch sử Đảng và bảo tàng cách mạng). Đây là một thắng lợi hết sức to lớn của Đảng. Sau mấy năm trường của thời kỳ thoái trào, Đảng không có cơ quan đầu não chỉ huy. Ngày nay Đảng đã có một Ban chấp hành trung ương do Đại hội chính thức bầu ra để lãnh đạo toàn Đảng theo một đường lối thống nhất, dưới sự chỉ đạo của Quốc tế cộng sản.

Theo hồi ký và các tài liệu sưu tầm được thì khi Đại hội Ma-cao đang chuẩn bị họp, Đảng ta đã có ba đồng chí đi trước sang Liên-xô để kịp tham gia chuẩn bị họp Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản. Đó là các đồng chí Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai và Hoàng Vĩnh Tuy. Ngoài ra Đại hội Ma-cao còn cử thêm hai đồng chí nữa (Nguyễn Văn Xô và Nguyễn Chánh Nhi) đi dự Đại hội Quốc tế cộng sản. Nhưng hai đồng chí này đi không trở lại phải quay trở về, và trên đường về nước, các đồng chí đều bị bắt.

Như vậy ngay sau khi Đại hội Ma-cao đã thành công, Đảng còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Bức «*Thơ công khai của Trung ương Đảng Cộng sản Đông-dương gửi cho toàn Đảng*» tháng 3-1936 có đoạn viết: «*Đảng Đại hội vừa khai xong thì đế quốc bắt mất hàng trăm*

chiến sĩ, mất một số đảng bộ quan trọng và một bộ phận giao thông. Cuộc khủng bố ấy gây ra vô số là sự khó khăn cho Đảng ta. Nhưng ban Trung ương đã vững tâm thiết pháp đảo tạo ra các cán bộ mới gửi về các địa phương hoạt động để tổ chức lại các mối giao thông bị đứt, khôi phục lại các đảng bộ bị phá. Các chiến sĩ hạ cấp đã có sáng kiến mà tự động phát triển công tác, ứng phó với thời cuộc và dẫn đạo quần chúng ra tranh đấu... » (19) Qua đoạn văn trên, ta thấy rõ sự tồn tại của Ban chấp hành trung ương Đảng và ý chí kiên cường mà Đại hội đã truyền đến toàn Đảng chính là nhân tố quyết định cho phong trào cách mạng được duy trì và phát triển liên tục.

Nghiên cứu các văn kiện Đảng sau tháng 3-1935, chúng ta thấy tinh thần các nghị quyết của Đại hội Ma-cao đã được thể hiện rõ nét trong cả năm 1935 và một phần năm 1936, rồi từng bước đã được uốn nắn, bổ sung theo tinh thần nghị quyết Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ VII.

Khẩu hiệu «*đánh đổ đế quốc Pháp và tụi phong kiến bản xứ*» được nêu ra trong «*Thông cáo về ngày đấu tranh 1-5-1935*» và cả trong «*Lời kêu gọi nhân ngày 1-5-1936 của Đảng Cộng sản Đông-dương*».

Chủ trương về Mặt trận phản đế ngày càng được vận dụng một cách linh hoạt, phong phú. Tháng 4-1936 Trung ương Đảng ta đã gửi thư ngỏ cho Việt-nam Quốc dân đảng, các nhóm và phe phái cách mạng, các hội phản đế, các tổ chức cải lương và các tổ chức đối lập, các phần tử cách mạng biệt lập ở Đông-dương, kêu gọi họ cùng ta thành lập «*mặt trận thống nhất nhân dân chống đế quốc*», nhằm chuẩn bị cho cuộc cách mạng dân tộc giải phóng của đất nước chúng ta mau chóng đi đến thắng lợi. » (20).

Tháng 8-1936 Trung ương Đảng phổ biến chủ trương «*Đông-dương Đại hội*» lại có lời kêu gọi chung: «*...Chúng ta hãy thành lập mặt trận Bình dân Đông-dương để đòi hòa bình tự do và cơm áo. Mặt trận Bình dân Đông-dương và mặt trận Bình dân Pháp đoàn kết lại!*» (21).

Ngày 30 tháng 10-1936 Trung ương Đảng lại phổ biến một văn kiện quan trọng «*Chung quanh vấn đề chính sách mới*» để giải thích rõ thêm về công tác Mặt trận nhân dân phản đế. Lần đầu tiên Đảng ta phân tích mối quan hệ giữa cách mạng phản đế và cách mạng dân tộc có phần khác với Luận cương chính trị tháng 10-1930 như sau: «*Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định kết chặt với*

cuộc cách mạng điền địa... tùy hoàn cảnh hiện thực bắt buộc, nếu việc tranh đấu chống đế quốc là cần kíp cho lúc hiện thời, còn vấn đề giải quyết điền địa tuy quan trọng nhưng chưa phải bắt buộc trực tiếp, thì có thể trước đánh đờ để quốc rồi sau giải quyết vấn đề điền địa. Nhưng cũng có khi vấn đề điền địa và phần để liên tiếp giải quyết, vấn đề này giúp cho vấn đề kia làm xong mục đích cuộc vận động». ... « Phải chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước; nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất để tập trung lực lượng của cả dân tộc mà đánh cho được toàn thắng». ... « Nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền... chưa phải là nhiệm vụ trực tiếp lập tức của mặt trận nhân dân phản đế trong lúc hiện tại ở Đông-dương, mà nó là mục đích cuối cùng của mặt trận nhân dân phản đế » (22). Nếu so sánh vấn kiện trên đây với Luận cương chính trị tháng 10-1930 và nghị quyết Đại hội Ma-cao 1935, luôn luôn đặt hai nhiệm vụ phản đế, phản phong ngang nhau, cùng thực hiện

triệt để như nhau, thì chúng ta đã thấy rõ sự chuyển biến sâu sắc trong phương hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng, không còn giữ nguyên như tinh thần Đại hội Ma-ca nữa.

Trong quá trình cuộc vận động cách mạng 1936 - 1939, « Mặt trận nhân dân phản đế Đông-dương » ... được đổi thành Mặt trận dân chủ Đông-dương, tập hợp mọi lực lượng dân chủ và tiến bộ, đấu tranh chống kẻ thù chủ yếu trước mắt là bọn phát xít Pháp và bọn phản động thuộc địa Pháp, giành tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, chống phát xít xâm lược và bảo vệ hòa bình thế giới » (23).

Như vậy chúng ta có thể nhận định rằng Đại hội Ma-cao là một cái mốc lớn trong lịch sử Đảng về mặt tổ chức và xây dựng Đảng. Còn về mặt đường lối chủ trương thì các nghị quyết của Đại hội là một bước chuyển tiếp từ chỗ thoát khỏi tình trạng thoái trào cách mạng sang một thời kỳ mới, thời kỳ thực hiện Mặt trận Dân chủ Đông-dương.

II

ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI CỦA ĐẢNG

**C**UỘC Đại hội toàn quốc lần thứ hai của Đảng họp từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 2 năm 1951 trong một khu rừng Việt-bắc thuộc xã Vinh-quang, huyện Chiêm-hóa, tỉnh Tuyên-quang.

Hồ Chủ tịch đã dùng một từ ngắn gọn để chỉ đúng thời điểm, tình chất của sự kiện lịch sử này. Người gọi Đại hội lần thứ hai của Đảng là « *Đại hội kháng chiến* » (24).

Bài diễn văn khai mạc đại hội của đồng chí Tôn Đức Thắng đã so sánh Đại hội II với Đại hội lần thứ nhất: « Đại hội Ma-cao họp trong khi ách thống trị của đế quốc Pháp còn đè nặng lên vai nhân dân của ba dân tộc Việt, Mên, Lào; những tổ chức quần chúng cách mạng, cơ sở của Đảng còn yếu ớt. Đến nay tình hình đã khác hẳn: Nhân dân Việt-nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã liên hành cuộc Cách mạng tháng Tám, đánh đổ phát xít Nhật, thành lập nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Nhân dân Cao miên, Ai-lao đã khởi nghĩa, lập chính quyền, tổ chức quân đội... Cuộc kháng chiến của ba dân tộc đến nay đã tiến những bước khá dài... » (25)...

Nói về hoàn cảnh lịch sử của Đại hội Đảng lần thứ hai, chúng ta cần tìm hiểu những bước tiến của cách mạng Việt-nam từ

sau Đại hội Ma-cao cho đến mùa xuân 1951, đồng thời cũng cần tìm hiểu những đặc điểm trong quá trình phát triển của Đảng qua 16 năm, khoảng cách giữa hai kỳ Đại hội Đảng.

Qua 16 năm (1935—1951), Đảng ta đã thực hiện một bước nhảy vọt rất to lớn: Với Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng từ chỗ bị đặt ra, ngoài vòng pháp luật đã trở thành một đảng cầm quyền, trực tiếp lãnh đạo Nhà nước dân chủ nhân dân, lãnh đạo cuộc chiến tranh vệ quốc của toàn dân, trên cả nước. Mặt khác, do hoàn cảnh đặc thù trong năm 1945, sau khi giành được chính quyền, trở thành một đảng cầm quyền, Đảng đã phải tự tuyên bố « giải tán », thực chất là rút vào bí mật để bảo đảm sự tồn tại của mình, bảo đảm sự lãnh đạo đối với Nhà nước cách mạng.

Nếu như hồi Đại hội Ma-cao 1935, số lượng đảng viên còn rất ít ỏi, tản mạn, thậm chí không thống kê được là mấy trăm người, và trong những ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, Đảng chỉ có khoảng 5 000 đảng viên, thì đến trước ngày Đại hội Đảng lần thứ hai đã có 76 vạn đảng viên hoạt động trên mọi mặt trận chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ở khắp các chiến trường Bắc, Trung, Nam, Lào và Căm-pu-chia.



Nếu như cuối năm 1945 Đảng đã phải rút vào bí mật trong một hoàn cảnh vô cùng khó khăn, thì đến nay những nguy cơ đe dọa sự tồn tại của Đảng đã bị triệt tiêu, và công cuộc kháng chiến to lớn đang đòi hỏi sự có mặt công khai của một đảng tiên phong để hiệu triệu hàng trăm vạn quần chúng xốc tới giành thắng lợi cuối cùng.

Nhìn vào cuộc kháng chiến chống Pháp mà Đảng đã lãnh đạo không cần có danh nghĩa công khai từ 1945 đến 1951 chúng ta cũng thấy rõ một đặc điểm lớn là « từ không đã trở nên có ». Cuối năm 1945 khi mặt trận miền Nam bị vỡ và miền Bắc đang bị quân Tưởng uy hiếp, lực lượng quân sự kinh tế của ta hết sức mỏng manh, thậm chí bọn xâm lược Pháp tưởng chừng có thể nuốt chửng nước Việt-nam trong vài ba tuần lễ. Nhưng đến đầu năm 1951 tình thế đã khác hẳn: Giai đoạn rút lui phòng ngự đã qua. Với chiến thắng Việt-bắc thu đông 1947, giai đoạn cầm cự của cuộc kháng chiến bắt đầu. Từ đầu năm 1950 Đảng đã nêu khẩu hiệu « Tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công ». Cuối năm 1950, sau chiến thắng Biên giới, lực lượng kháng chiến tăng lên gấp bội. Lúc này Đảng đã nắm trong tay hàng chục vạn quân đội, mấy chục vạn dân quân du kích. Nhu cầu động viên kháng chiến cũng lớn lên rất nhiều: Ngày nào cuộc kháng chiến mới bùng nổ, hầu hết mọi chi phí đều dựa vào sự quyên góp hảo tâm của nhân dân, cán bộ nhân viên kháng chiến không lĩnh lương, nhiều người ăn cơm nhà làm việc nước. Đến năm 1950-1951 cách mạng đã phải tổ chức những kho lương thực, quân nhu rất lớn để duy trì bộ máy kháng chiến. Nhà nước cách mạng đã phải ban hành công trái quốc gia, huy động hàng chục vạn dân công theo nghĩa vụ để phục vụ các chiến dịch v.v...

Kháng chiến càng thắng lợi đi đòi với nhu cầu động viên sức người sức của càng tăng thêm, thì đấu tranh giai cấp trong nội bộ dân tộc cũng bộc lộ dần ra. Mặt trận dân tộc thống nhất vừa phải được mở rộng, vừa phải được củng cố bằng cách tăng cường vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong mặt trận. Sự có mặt công khai của một đảng tiên phong đã trở thành cấp thiết để khẳng định quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với Mặt trận dân tộc thống nhất trong giai đoạn quyết liệt của cuộc kháng chiến.

Đại hội toàn quốc lần thứ hai của Đảng đã được triệu tập trong hoàn cảnh lịch sử như trên. Hồ Chủ tịch đã xác định trong bức thư của Người gửi tới « Đại hội trừ bì » (trước

khí bước vào Đại hội chính thức) rằng: « Nhiệm vụ chính của Đại hội ta là đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt-nam » (26).

Với nhiệm vụ to lớn như trên, Đại hội lần thứ hai của Đảng đã được chuẩn bị chu đáo. Từ 1950, các đảng bộ địa phương đã mở đại hội thảo luận những vấn đề lớn của cuộc kháng chiến và của việc xây dựng Đảng, cử đại biểu đi dự Đại hội cấp trên, tiến tới Đại hội toàn quốc của Đảng. Đại hội của các đảng bộ cấp Khu (thời kỳ này đã bỏ cấp Xứ ủy) đều tiến hành một cách đảng hoàng, có hàng trăm đại biểu tham dự. Tất nhiên các đảng bộ vùng tạm bị chiếm có gặp khó khăn hơn, nhưng không đến nỗi phải họp một cách quá hạn chế như các đồng chí hồi 1935 chuẩn bị đi họp Đại hội Ma-cao. Đặc biệt là ở Nam-bộ, trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, khu căn cứ còn bị uy hiếp, các đồng chí vẫn cử được đoàn đại biểu ra Việt-bắc dự Đại hội toàn quốc của Đảng. Nhiều đồng chí kể lại rằng hồi ấy muốn đi từ Nam-bộ ra Việt-bắc xuyên qua rừng núi Trường-sơn phải mất bốn, năm tháng, nếu đi đường khác nhanh hơn cũng phải vài ba tháng. Vì vậy đoàn đại biểu Nam-bộ ra Việt-bắc họp Đại hội rất gọn nhẹ, chỉ có mấy đồng chí, Đồng chí Lê Duẩn, người lãnh đạo chủ yếu của chiến trường Nam-bộ không thể rời vị trí quá lâu ngày, nên không tham gia đoàn đại biểu. Nhưng đồng chí Lê Duẩn đã nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng Việt-nam, viết thành tài liệu gửi ra Trung ương góp phần vào trí tuệ tập thể của Trung ương Đảng và của Đại hội.

Tổng số đại biểu ở khắp nơi trong toàn quốc về dự Đại hội có 211 người, trong đó có 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự khuyết. Con số này so với số đại biểu trong Đại hội Ma-cao 1935 cũng đã chứng minh rất nhiều sự lớn mạnh của Đảng sau 16 năm chiến đấu và chiến thắng. Các đồng chí có vinh dự được phục vụ Đại hội Đảng hồi ấy cho biết tuy phải họp trong rừng sâu Việt-bắc, nhưng cách tổ chức Đại hội cũng rất đảng hoàng. Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt-nam đã huy động một lực lượng công nhân trung kiên dựng nên một hội trường rất khàng trang và những dãy nhà lá cao ráo có cả máy nổ phát điện để phục vụ Đại hội.

Báo Nhân dân đã ghi lại không khí hào hùng của « Đại hội kháng chiến » như sau: « Tin thắng lợi từ các mặt trận bay về chào mừng Đại hội giữa những tiếng vỗ tay ran.

Những phút cảm động là những phút Đại hội đón những đồng chí vừa thắng giặc vôi vã từ mặt trận về dự, và tiễn những đồng chí bận công việc mới cấp tốc lên đường trở về đơn vị chiến đấu của mình » (27).

Trong những ngày tháng 2-1951, toàn Đảng hướng về Việt-bắc đón chờ những nghị quyết quan trọng của Đại hội Đảng lần thứ hai.

Nếu như toàn bộ văn kiện Đại hội Ma-cao chỉ có 156 trang, thì tập « Văn kiện toàn quốc đại biểu Đại hội lần thứ hai của Đảng » dày tới 519 trang in (mỗi trang trên dưới 400 chữ). Có một khối lượng văn kiện lớn như vậy một phần do Đại hội họp trong điều kiện Đảng đã nắm chính quyền, có thể triển khai thảo luận các vấn đề một cách rộng rãi và thấu đáo; phần khác là do bản thân các vấn đề mà Đại hội II phải giải quyết cũng có tầm rộng lớn hơn Đại hội I.

Bản Báo cáo chính trị của Hồ Chủ tịch là văn kiện chỉ đạo tổng quát toàn bộ nội dung Đại hội. Bản Báo cáo chung của đồng chí Trường-Chinh, Tổng bí thư Đảng « Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội » (Sau này được in ra với nhan đề « Bản về cách mạng Việt-nam ») đã trở thành văn kiện chủ yếu của Đại hội.

Đại hội đã thông qua Chính cương, Điều lệ và Tuyên ngôn của Đảng Lao động Việt-nam. Tiếp đó, Đại hội nghe những bản báo cáo hồ sung của các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Lương Bằng và Tố Hữu về các vấn đề Mặt trận, chính quyền, quân đội, kinh tế tài chính và văn nghệ kháng chiến. Tập văn kiện Đại hội II của Đảng còn ghi thêm 6 bản báo cáo tham luận của các ngành công vận, nông vận, dân vận, thanh niên, phụ nữ, trong đó bài tham luận « Nông vận là công tác trọng tâm của dân vận » được đưa lên hàng đầu.

Nghiên cứu các văn kiện Đại hội II, chúng ta thấy nổi lên một số vấn đề lớn sau đây:

**1. Xác định sự đúng đắn trong đường lối và sách lược của Đảng, bảo đảm sự đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng.**

Trong thời gian từ Đại hội I đến Đại hội II Đảng ta đã trải qua những chặng đường lịch sử. Bản Báo cáo chính trị của Hồ Chủ tịch đã tổng kết một cách sâu sắc tình hình thế giới trong nước đầu thế kỷ 20 và những hoạt động của Đảng từ ngày thành lập, đánh

giá lại đường lối đấu tranh của Đảng qua mỗi chặng đường lịch sử, và chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ mới cho toàn Đảng.

Tóm tắt tình hình thế giới, Hồ Chủ tịch nói: Trong 50 năm đầu thế kỷ 20 này đã có những biến đổi mau chóng hơn và quan trọng hơn nhiều thế kỷ trước cộng lại. Những phát minh khoa học từ chiếu bóng đến vô tuyến truyền hình và sức nguyên tử... Hai cuộc chiến tranh khủng khiếp nhất do bọn đế quốc gây ra, đế quốc Nga, Đức, Ý, Nhật bị tiêu diệt, đế quốc Anh, Pháp suy đồi; tư bản Mỹ thì nhảy lên làm trùm đế quốc, trùm phản động. « Quan trọng nhất là Cách mạng tháng Mười Nga thành công. Liên-xô, nước xã hội chủ nghĩa thành lập, rộng một phần sáu thế giới, và gần một nửa loài người đã tiến vào đường dân chủ mới, những dân tộc bị áp bức lần lượt nổi dậy chống đế quốc, đòi độc lập tự do. Cách mạng Trung-quốc đã thắng lợi, phong trào công nhân ở các nước đế quốc ngày càng lên cao » (28) Tổng kết tình hình trong nước, Người nói: « Riêng về Việt-nam ta thì trong thời kỳ ấy Đảng ta ra đời đến nay đã 21 tuổi. Nước ta được độc lập, đến nay đã 7 năm. Cuộc trường kỳ kháng chiến của ta đã tiến mạnh, đến nay là năm thứ năm » (29).

Tổng kết những hoạt động của Đảng, Hồ Chủ tịch đã phân tích ưu khuyết điểm của từng thời kỳ: Đảng ra đời, 1931 - 1935, 1936 - 1939, 1939 - 1945 và « từ Cách mạng tháng Tám đến nay ».

Thời kỳ « từ Cách mạng tháng Tám đến nay » được Hồ Chủ tịch phân tích rất cặn kẽ. Người nêu lên những việc lớn nhất mà Đảng và Chính phủ đã làm được là tổ chức Tổng tuyển cử, bầu ra Quốc hội, lập Hiến pháp, xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tiêu diệt bọn phản động trong nước, xây dựng và củng cố quân đội nhân dân, vũ trang nhân dân, đặt ra luật lao động, giảm tô, giảm tức, xây dựng văn hóa nhân dân, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất. Người nhắc lại việc Đảng ta tự tuyên bố « giải tán » để rút vào bí mật và Hiệp định sơ bộ 6-3-1946. Những chủ trương này hồi đầu có một số đồng chí thắc mắc, cho rằng không cần phải làm đến như thế. Nhưng có đặt mình vào hoàn cảnh cụ thể năm 1945 - 1946 mới thấy rõ « Lúc đó Đảng không thể do dự, do dự là hỏng hết. Đảng phải quyết đoán mau chóng, phải dùng những phương pháp, dù là phương pháp đấu đôn đê cứu vãn tình thế » (30).

Một số đại biểu có mặt trong Đại hội II kê

lại rằng chính các đồng chí Nam-bộ đã xác nhận chủ trương ký Hiệp định sơ bộ « 6-3 » là vô cùng sáng suốt, cứu vãn tình thế rất nhiều cho chiến trường miền Nam. Còn một chi tiết nữa là Hồ Chủ tịch đã báo cáo trước Đại hội về ý kiến của các lãnh tụ quốc tế mà Bác đã tiếp xúc hồi ấy đều nhất trí tán thành những hoạt động đúng đắn của Đảng Cộng sản Đông-dương; nhờ đó Đảng đã thu được nhiều thành tích vẻ vang trong chiến đấu vì sự nghiệp cách mạng của dân tộc và của giai cấp.

Hồ Chủ tịch cũng vạch ra phương hướng lớn để đưa cuộc kháng chiến tới thắng lợi hoàn toàn, mà trước mắt là phải tổ chức Đảng Lao Động Việt-nam.

Báo cáo chính trị của Hồ Chủ tịch được Đại hội nhiệt liệt tán thành. Đại hội đã ra một bản nghị quyết riêng thông qua bản *Báo cáo chính trị* của Người, khẳng định dứt khoát « đường lối chính trị của Trung ương đoàn kết toàn dân, kháng chiến trường kỳ, giành độc lập dân chủ là hoàn toàn đúng » (31). Điều đó chứng tỏ sự đoàn kết nhất trí tuyệt đối của toàn Đảng dưới sự lãnh đạo anh minh tuyệt vời của Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng.

## 2. Xác định tính chất của cách mạng Việt-nam, vạch rõ chủ trương đường lối trên các mặt công tác đề dày mạnh kháng chiến.

Bản báo cáo chung của đồng chí Trường-Chinh ở Đại hội II là một tác phẩm về lý luận cách mạng Việt-nam, có tác dụng chỉ đạo tư tưởng toàn Đảng suốt cả thời kỳ kháng chiến.

Trong phần thứ nhất « *Tình hình thế giới và cách mạng Việt-nam* » đồng chí đã nêu ra một số luận đề lớn : « Hai hệ thống thế giới xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa thực tế sẽ cùng tồn tại một cách có điều kiện trong một thời gian lịch sử nhất định... « Dân chủ nhân dân là bước quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Bước quá độ đó nhanh hay chậm là tùy theo điều kiện của mỗi nước dân chủ nhân dân... Đấu tranh vũ trang đã thành hình thức đấu tranh chủ yếu của các dân tộc khao khát độc lập tự do... « Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù nguy hại nhất của các dân tộc bị áp bức... « Trong khi bảo vệ tự do độc lập của mình, nhân dân Việt-nam đã bảo vệ hòa bình thế giới và phát triển chế độ dân chủ nhân dân ở Đông Nam Á... Cuộc kháng chiến của nhân dân ta tuy còn gặp nhiều khó khăn gian khổ

nhưng nhất định sẽ thành công... » (32).

Lần đầu tiên trong lịch sử Đảng ta, Đại hội II đã xác định tính chất của cách mạng Việt-nam là *cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*. « Cách mạng đó làm tròn nhiệm vụ dân chủ tư sản và tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa, không cần qua một cuộc nổi bùng cách mạng » (33).

Bản báo cáo của đồng chí Trường-Chinh đã phân tích mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến trong cách mạng Việt-nam như sau : « Nhiệm vụ phản đế và nhiệm vụ phản phong kiến kháng khí với nhau. Lúc này phải tập trung mọi lực lượng để kháng chiến đặng hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Đó là trọng tâm cách mạng trong giai đoạn hiện tại. Nhiệm vụ phản phong kiến nhất định phải làm đồng thời với nhiệm vụ phản đế, nhưng làm có kế hoạch, có từng bước đề vừa bồi dưỡng và phát triển được lực lượng cách mạng của nhân dân, vừa giữ vững được khối đại đoàn kết toàn dân để kháng chiến, nhằm mau tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc bao gồm cả nhiệm vụ phản đế và nhiệm vụ phản phong kiến » (34).

Vấn đề bố trí lực lượng cách mạng Việt-nam đã được xác định cụ thể : « Lực lượng cách mạng Việt-nam là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và giải cấp tư sản dân tộc, chủ yếu là công nhân và nông dân. Động lực cách mạng Việt-nam là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản. Lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt-nam là giai cấp công nhân » (35).

Trong Đại hội, bản báo cáo của đồng chí Tổng Bí thư đã được cụ thể hóa bằng những bản báo cáo bổ sung về các mặt công tác lớn của Đảng :

— Báo cáo của đồng chí Hoàng Quốc Việt đưa lên hàng đầu vấn đề « *Củng cố khối đại đoàn kết để chiến thắng* » nói rõ Mặt trận Việt Minh và Mặt trận Liên Việt đang tiến tới chỗ hòa hợp làm một. Đại hội đã ra một nghị quyết riêng về việc « hoàn thành thống nhất Việt Minh — Liên Việt trong toàn quốc... đặt trên cơ sở công nông và lao động trí óc, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân... » (36).

— Báo cáo của đồng chí Phạm Văn Đồng về « *Mấy vấn đề cốt yếu của chính quyền dân chủ nhân dân* » đã nhấn mạnh « Nhà nước dân chủ nhân dân Việt-nam phải là Nhà nước của tất cả các giai cấp, các tầng lớp nhân

dân đi quốc và dân chủ... Bộ máy Nhà nước phải thiết thực bênh vực quyền lợi của nhân dân... tổ chức phải dân chủ, phương pháp làm việc phải dân chủ, phải phê bình và tự phê bình, và phải có cán bộ dân chủ...» (37).

- Báo cáo của đồng chí Võ Nguyên Giáp nêu vấn đề «*Xây dựng quân đội nhân dân, hoàn thành chiến tranh giải phóng*», xác định rõ «*Lãnh đạo chiến tranh phải là công tác trọng tâm của Đảng*». Đại hội cũng ra nghị quyết riêng về quân sự, nhấn mạnh «*Đảng và Chính phủ phải xây dựng một quân đội nhân dân mạnh mẽ, chân chính với ba đặc điểm dân tộc, nhân dân, dân chủ*» (38).

- Báo cáo của đồng chí Nguyễn Lương Bằng «*Về kinh tế tài chính*» nêu vấn đề Đảng phải lãnh đạo kinh tế, nông nghiệp, thủ công nghiệp và công nghiệp, thương mại và giao thông vận tải, hợp tác xã, tài chính v.v..

- Báo cáo của đồng chí Tố Hữu về «*Xây dựng văn nghệ nhân dân Việt-nam*», đặt rõ phương hướng văn nghệ phải phục vụ cách mạng và kháng chiến, phải xây dựng phong trào văn nghệ quần chúng, phải đấu tranh chống ảnh hưởng văn nghệ nô dịch của thời Pháp thuộc và trong vùng địch tạm chiếm.

Ngoài ra Đại hội còn nghe báo cáo, tham luận của các ngành công tác vận động quần chúng công, nông, thanh, phụ, trong đó vấn đề *nông vận được coi là trọng tâm của công tác dân vận*. Quan điểm này là một bước phát triển lý luận của Đảng ta trong quá trình cách mạng dân tộc dân chủ.

### 3. Thành lập Đảng Lao động Việt-nam, công khai tuyên bố vai trò lãnh đạo của Đảng đối với toàn dân.

Trong Đại hội II, những văn kiện chuyên nói về việc thành lập Đảng Lao động Việt-nam và xây dựng Đảng gồm có: Chính cương của Đảng, Báo cáo về tổ chức và điều lệ của Đảng do đồng chí Lê Văn Lương trình bày, điều lệ Đảng, Tuyên ngôn của Đảng, và một bản nghị quyết riêng về tờ báo Nhân dân, cơ quan trung ương của Đảng.

Từ Đảng Cộng sản Đông-dương sang Đảng Lao động Việt-nam, trên thực tế chỉ là vấn đề đổi tên Đảng. Nhưng ý nghĩa của nó rất quan trọng. Hồ Chủ tịch đã nói, trong *Báo cáo chính trị* của Người: «*Chúng ta, phải có một Đảng công khai, tổ chức hợp với tình hình thế giới và tình hình trong nước để lãnh đạo toàn dân đấu tranh cho đến thắng lợi. Đảng đó lấy tên là Đảng Lao động Việt-nam*». Rõ ràng là việc đổi tên Đảng hoàn toàn xuất phát từ lợi ích cách mạng của toàn

dân tộc, và phù hợp với tình hình lúc đó. Nó gắn liền với việc đưa Đảng ra hoạt động công khai.

- *Chính cương và Tuyên ngôn* của Đảng đã phân tích mối quan hệ giữa thế giới và Việt-nam, giữa xã hội Việt-nam với cách mạng Việt-nam, nêu rõ nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt-nam là đánh đổ bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội» (39). Sau đó Đảng lại nêu rõ chính sách mọi mặt đối với công cuộc kháng chiến, đối với mỗi tầng lớp nhân dân, với các tôn giáo, đối với vùng tạm bị chiếm, vùng mới giải phóng, với các ngoại kiều v.v..

- *Bản Điều lệ của Đảng* nêu rõ tôn chỉ mục đích và các quy tắc tổ chức Đảng. Về cơ bản thì tôn chỉ mục đích và các quy tắc ấy không khác với các điều đã nêu trong hai bản điều lệ Đảng trước đây. Nhưng bản Điều lệ mới này gắn liền với việc đổi tên Đảng nên cũng có một số điểm đáng chú ý:

Điều lệ Đảng hồi ấy đã ghi «*Đảng Lao động Việt-nam là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt-nam*». Lý luận cách mạng bao giờ cũng phần chiểu nhu cầu cách mạng qua mỗi thời điểm cụ thể của nó. Đồng chí Trường-Chinh, trong diễn văn bế mạc Đại hội đã giải thích rõ: «*Nói Đảng Lao động Việt-nam là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt-nam, không phải là làm cho Đảng biến thành một khối liên minh giai cấp, mà cốt là để tất cả các tầng lớp nhân dân lao động thành thị và thôn quê, chân tay và trí óc ở Việt-nam đều nhận Đảng Lao động Việt-nam là Đảng của mình; định rõ hướng đề kết nạp đảng viên mới là công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động khác... Những người lao động không phải là công nhân, vào Đảng sẽ được Đảng giáo dục thành những «*người công nhân*» mất những tính chất phi vô sản đi và trở thành người vô sản cách mạng chân chính*» (40).

Ngày nay, chúng ta đều hiểu rằng Đảng ta từ ngày thành lập đến nay luôn luôn là Đảng của giai cấp công nhân, vì chỉ có giai cấp công nhân, tiêu biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến nhất của thời đại mới có được một đường cách mạng tiên phong chân chính, như Hồ Chủ tịch đã trình bày trong *Báo cáo Chính trị* của Người: «*Về lý luận, Đảng Lao động Việt-nam theo chủ nghĩa Mác-Lênin*

Về tổ chức Đảng theo chế độ dân chủ tập trung. Về kỷ luật Đảng có kỷ luật sắt, đồng thời là kỷ luật tự giác. Về quy luật phát triển, Đảng dùng lối phê bình tự phê bình để giáo dục đảng viên, giáo dục quần chúng" (41).

Trong Điều lệ Đảng Lao động Việt-nam còn có một vài điểm nhỏ khác so với điều lệ cũ như :

- Quy định tuổi tối thiểu để được kết nạp vào Đảng là 18 chứ không phải 23 tuổi như trước.

- Thành lập Ban Kiểm tra ở các cấp đảng bộ.

- Đặt vấn đề khen thưởng đi đôi với vấn đề kỷ luật ở trong Đảng.

- Cuối cùng bản điều lệ mới có phần phụ lục về tổ chức Đảng ở vùng địch tạm chiếm và trong quân đội sẽ có quy định riêng, không nhất thiết giống như thông lệ chung ở các địa phương và ở các cơ quan trong vùng tự do.

Sau khi thông qua Chính cương, Điều lệ và Tuyên ngôn của Đảng, Đại hội đã quyết định xuất bản tờ báo Nhân dân làm cơ quan trung ương của Đảng. Lúc đầu báo ra hàng tuần, sau có điều kiện sẽ ra hàng ngày. Ở Nam-bộ và Liên khu V xa Trung ương sẽ ra báo Nhân dân Nam-bộ và Nhân dân Liên khu V theo đúng đường lối chính trị của báo Đảng ở trung ương.

..

Đại hội Đảng lần thứ hai đã bế mạc trong một bầu không khí hết sức phấn khởi và tin tưởng. Xét về nội dung cũng như kết quả vận dụng các nghị quyết Đại hội Đảng vào trong thực tiễn cách mạng Việt-nam, chúng ta có thể nói rằng *Đại hội đã tạo ra một bước chuyển biến mạnh mẽ cho sự nghiệp kháng chiến cứu nước.*

Trước hết, việc thành lập « Đảng Lao động Việt-nam đã trở thành một sự kiện lịch sử rất quan trọng trong đời sống chính trị của đất nước. Nó đáp ứng sự mong chờ của hàng triệu công nhân và nhân dân lao động Việt-nam. Ngọn cờ của Đảng Lao động Việt-nam đã thành một tiêu điểm tập hợp quần chúng rộng rãi, động viên họ xóc tới trong kháng chiến. Với danh nghĩa công khai là một đảng tiên phong, tự nhận lấy sứ mạng lãnh đạo toàn dân đưa kháng chiến đến thắng lợi, từ đây các cấp đảng bộ và đảng viên đã có thêm điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của mình trong việc lãnh đạo chính quyền, mặt trận và mọi công tác khác. Đồng thời, Đảng ra công khai thì yêu cầu đối với mỗi đảng viên cũng cao hơn,

phải ra sức học tập, rèn luyện đạo đức, tác phong và nâng cao tinh thần trách nhiệm trước quần chúng. Trong diễn văn bế mạc Đại hội, đồng chí Trường-Chinh đã dặn dò các đại biểu đề phòng những xu hướng lệch lạc khi Đảng ra công khai như chủ nghĩa công khai, vô ngực trước quần chúng, chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa tiên phong, việc gì cũng lấy danh nghĩa Đảng ra mà làm đề lấy tiếng, bỏ quần chúng lại sau. Phải đề phòng chủ nghĩa mệnh lệnh, lạm dụng uy tín của Đảng, việc gì cũng ra lệnh làm bừa không chịu khó thuyết phục, không đi đường lối quần chúng.

Cho đến ngày nay, những lời dặn dò nghiêm túc đó vẫn còn giữ nguyên giá trị thực tiễn.

Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ hai đã bầu ra Ban chấp hành Trung ương mới, đứng đầu là đồng chí Hồ Chí Minh làm chủ tịch Đảng và đồng chí Trường-Chinh làm Tổng bí thư. Các ủy viên Trung ương là những đồng chí đã vào sinh ra tử trong cách mạng, và qua mấy năm kháng chiến đã nổi bật lên trước quần chúng và đảng viên bằng năng lực công tác, trí tuệ sáng suốt và đạo đức, tác phong gương mẫu. Ban chấp hành trung ương mới được sự tín nhiệm tuyệt đối của toàn Đảng.

Ngày 3-3-1951 Đảng Lao động Việt-nam chính thức ra mắt quốc dân. Và cũng từ ngày 3-3 cho đến ngày 7-3-1951 mặt trận Liên Việt và mặt trận Việt Minh mở Đại hội toàn quốc tuyên bố thống nhất làm một, lấy tên là Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt-nam, gọi tắt là Mặt trận Liên Việt. Nhiều nhân sĩ trong Mặt trận đã chân thành nói lên lòng tin tưởng của mình đối với sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt-nam.

Đây là một trong những điều thể hiện quan trọng các nghị quyết của Đại hội Đảng.

Ngày 11-3-1951 báo Nhân dân ra số đầu tiên, truyền đến toàn dân niềm phấn khởi và quyết tâm biến các nghị quyết của Đại hội Đảng thành hành động cách mạng.

Quả vậy, sau Đại hội II, cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp đã phát triển trên mọi mặt. Quân đội và nhân dân như được tăng thêm nghị lực đã vượt qua nhiều khó khăn, đẩy lên một phong trào thi đua sôi nổi chưa từng có và liên tiếp giành nhiều thắng lợi. Các chiến dịch Hoàng Hoa Thám, Quang Trung năm 1951, chiến dịch Hòa-bình và chiến dịch Tây-bắc năm 1952, các chiến dịch ở Liên khu V, ở Nam-bộ và chiến dịch Thượng Lào năm 1953 đều là kết quả cụ

thê của phong trào thi đua công, nông binh và lao động trí óc sau Đại hội.

Trên mặt trận kinh tế, từ sau Đại hội II đã có nhiều chuyển biến lớn. Tháng 5-1951 Chính phủ ban hành chính sách thuế nông nghiệp, thực hiện chế độ nghĩa vụ đóng góp cho kháng chiến một cách công bằng hợp lý, yêu cầu địa chủ và phú nông phải làm đúng nghĩa vụ của mình đối với Tổ quốc. Cũng trong tháng 5-1951 thành lập Ngân hàng Việt-nam để điều hòa lưu thông tiền tệ, quản lý ngân quỹ quốc gia và đấu tranh tiền tệ với địch. Chính phủ còn thành lập sở mậu dịch để tổ chức việc buôn bán trong nước, điều hòa thị trường, xúc tiến việc trao đổi buôn bán với nước bạn và tổ chức tốt việc bao vây kinh tế địch. Tháng 7-1952 ban hành chính sách thuế công thương nghiệp và thuế hàng hóa nhằm động viên sự đóng góp công bằng hợp lý của các nhà buôn và khuyến khích những hoạt động công thương có lợi cho sản xuất, có lợi cho kháng chiến.

Dựa trên tinh thần các nghị quyết Đại hội II, việc thực hiện giảm tô, giảm tức được đẩy mạnh hơn trước. Từ năm 1951 giai cấp địa chủ đã bị tấn công một bước tương đối mạnh.

Nhưng các nghị quyết về chính sách ruộng đất của Đại hội Đảng lần thứ hai cũng còn hạn chế trong việc giảm tô giảm tức. Đến năm 1953 Ban chấp hành trung ương Đảng, xuất phát từ yêu cầu đẩy mạnh kháng chiến, đã phát triển nghị quyết Đại hội II lên một bước, phóng tay phát động quần chúng nông dân thi hành triệt để chính sách giảm tô, bắt địa chủ trả những món địa tô chưa chịu giảm trước đây, và tiến lên thực hiện cải cách ruộng đất, đánh đổ giai cấp địa chủ, thực hiện triệt để khẩu hiệu "người cày có ruộng".

Sự kết hợp chặt chẽ và song song hai cuộc cách mạng phản đế và phản phong với tinh thần triệt để, đúng vào thời điểm cần thiết, đã góp phần quyết định thúc đẩy cuộc kháng chiến đến thắng lợi, mà cái mốc lớn là chiến thắng lịch sử Điện-biên-phủ tháng 7-1954, làm thất bại hoàn toàn chương trình xâm lược của đế quốc Pháp ở Việt-nam.

Như vậy, có thể nói rằng Đại hội toàn quốc lần thứ hai của Đảng chẳng những là cái mốc lớn trong lịch sử Đảng mà còn là cái mốc lớn trong lịch sử của cả dân tộc Việt-nam.

- III -

ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC LẦN THỨ BA CỦA ĐẢNG

**C**UỘC Đại hội toàn quốc lần thứ ba của Đảng họp từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 9 năm 1960 tại thủ đô Hà-nội.

Hồ Chủ tịch đã gọi Đại hội này là "Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà" (42).

Nếu như muốn tìm hiểu Đại hội I và Đại hội II của Đảng, chúng ta phải mất nhiều công sức tìm, xác minh những sử liệu cách đây từ 25 đến 45 năm, thì việc tìm hiểu Đại hội III của Đảng được thuận lợi hơn nhiều. Tất cả văn kiện Đảng liên quan đến Đại hội I và một phần văn kiện Đại hội II chỉ lưu hành trong nội bộ một cách hạn chế; trái lại bốn tập văn kiện Đại hội III của Đảng đều được phát hành công khai trong toàn dân và đã trở thành những cuốn sách đầu giường cho bất cứ ai muốn hiểu biết lịch sử cách mạng hiện đại của đất nước.

Phần lớn cán bộ, đảng viên và những người nghiên cứu, giảng dạy lịch sử ở nước ta ngày nay đều đã được sống trong bầu

không khí sôi nổi của năm 1960, khi Đảng ta đang tiến hành Đại hội toàn quốc lần thứ ba, giữa lúc miền Bắc bừng bừng khí thế cách mạng xã hội chủ nghĩa, và nhân dân miền Nam, sau cuộc đồng khởi 1959, đang đẩy lùi bọn đao phủ Ngô Đình Diệm, tay sai đế quốc Mỹ vào thế bị.

Vi vậy bài nghiên cứu này sẽ không trình bày riêng hoàn cảnh lịch sử của Đại hội III, mà chỉ tập trung đi sâu vào một số vấn đề thuộc về nội dung đường lối của Đại hội.

Toàn bộ văn kiện Đại hội Đảng lần thứ ba gồm có ba tập "Văn kiện Đại hội" và một tập "Những tham luận chủ yếu trước Đại hội". Tất cả đều được in trong năm 1960, cộng lại 616 trang (mỗi trang trên 400 chữ).

Nghiên cứu các văn kiện của Đại hội III, chúng ta thấy nổi lên mấy vấn đề lớn sau đây

**I. Sự lớn mạnh của Đảng sau 9 năm chiến đấu và chiến thắng từ Đại hội II (1951) đến năm 1960 :**

Diễn văn khai mạc của Hồ Chủ tịch ngày

5-9-1960 đã đưa vào Đại hội ngay từ giờ phút đầu một không khí hết sức hào hùng, phấn chấn. Bước lên diễn đàn trong những trang võ tay vang dội không ngớt, lãnh tụ kính yêu của Đảng nhắc ngay đến một sự kiện lịch sử: Đại hội khai mạc giữa lúc toàn dân ta vui vẻ chào mừng ngày kỷ niệm 15 năm thành lập nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

Nếu như Đại hội I chỉ có 10 đại biểu, và Đại hội II có 211 đại biểu, thì Đại hội III đã triệu tập về thủ đô 576 đại biểu, gồm có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho hơn nửa triệu đảng viên trong cả nước.

Bài báo Nhân dân số ra ngày 6-9-1960 đã miêu tả những người tham dự Đại hội lần thứ ba của Đảng như sau: « Gần một nửa thành phần đại biểu Đại hội là các đồng chí đã chiến đấu từ hồi Đảng còn hoạt động bí mật... Bên cạnh những đồng chí hiện giữ những giường mối quan trọng của nước nhà, rất nhiều đồng chí đang trực tiếp công tác ở các cơ sở sản xuất... Trên 40 đại biểu là nhà thơ, nhà văn, nhà công tác giáo dục, khoa học, nghệ thuật, đại biểu cho đội quân văn hóa của Đảng đang phát triển... Trên 40 đồng chí là đại biểu phụ nữ, 12 đồng chí là người dân tộc thiểu số... Ngót 20 đại biểu là anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc (43).

Thành phần rất phong phú của hàng ngũ đại biểu kể trên đã nói lên sự lớn mạnh của Đảng ta, một đảng đã từng chiến thắng vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp, hiện nay lại đang bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và lãnh đạo cuộc chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam.

Trong diễn văn khai mạc Đại hội, Hồ Chủ tịch đã nêu lên hàng đầu biểu dương « cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào ta ở miền Nam đang tiếp tục sâu rộng và mạnh mẽ, rất xứng đáng với danh hiệu vẻ vang là « Thành đồng Tô quốc » (44). Sau đó Người tổng quát lại những thành tích ở miền Bắc: « Chúng ta đã thành công trong công cuộc khôi phục kinh tế và đang hoàn thành thắng lợi kế hoạch ba năm phát triển kinh tế và văn hóa. Chúng ta đã giành được thắng lợi có tính chất quyết định trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa về nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh... Miền Bắc nước ta đang ngày càng củng cố thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà... « Đó là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở một nước đã từng bị đế quốc áp bức bóc

lột... Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân, đã lãnh đạo nhân dân phấn đấu dưới lá cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin (45).

Thành tích chiến đấu và xây dựng trong nước đã làm cho Đảng ta lớn mạnh vượt bậc. Mặt khác uy tín quốc tế của Đảng ta cũng tăng lên gấp bội sau chiến thắng Điện-biên-phủ. Từ ngày bước vào công cuộc xây dựng hòa bình ở miền Bắc, Đảng ta đã tranh thủ được sự giúp đỡ tận tình của các Đảng anh em, nhất là Đảng Cộng sản Liên-xô và Đảng Cộng sản Trung-quốc. Mặt khác Đảng ta cũng đã góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Cho nên lần đầu tiên trong lịch sử Đảng ta, cuộc Đại hội toàn quốc lần thứ ba được vinh dự đón tiếp nhiều đoàn đại biểu của các đảng anh em, trong đó có 11 đoàn đại biểu cho Đảng đã nắm chính quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa, 5 đoàn đại biểu cho Đảng ở các nước tư bản chủ nghĩa đã đấu tranh giành được quyền hoạt động công khai hợp pháp.

Nếu so sánh với Đại hội I, chỉ có ba đồng chí đại biểu Đảng Cộng sản Xiêm tham dự, và Đại hội II chỉ có hai đoàn đại biểu của Đảng Cộng sản Trung-quốc và Đảng Cộng sản Thái-lan, thì Đại hội III đã chứng tỏ sự lớn mạnh của Đảng ta về mặt quan hệ quốc tế. Không khí Đại hội chẳng những tràn ngập tinh thần tự hào dân tộc chân chính, mà còn nồng đượm tinh thần quốc tế vô sản. Hai câu thơ rất hào hứng mà Hồ Chủ tịch đọc trong buổi khai mạc Đại hội: « Quan sơn muôn dặm một nhà, Bốn phương vô sản đều là anh em! » nói rõ tình cảm quốc tế của Người.

**2. Giải quyết những mâu thuẫn xã hội Việt-nam trong điều kiện đất nước tạm bị chia cắt làm hai miền, phải song song thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng.**

Trong diễn văn khai mạc Đại hội, Hồ Chủ tịch đã nêu lên một cách vắn tắt: « Nhiệm vụ hiện nay của cách mạng Việt-nam là: Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước » (46).

Đường lối cơ bản đó đã được đồng chí Lê Duẩn phân tích đầy đủ trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trước Đại hội.

Đối với cách mạng miền Bắc, đồng chí Lê Duẩn vạch rõ: « Sau khi đã hoàn thành hai nhiệm vụ cơ bản của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, miền Bắc đương nhiên không thể dừng lại ở đó mà phải tiến lên nữa. Phương hướng tiến lên của cách mạng miền Bắc chỉ có thể là chủ nghĩa xã hội, chứ không thể là chủ nghĩa tư bản ». ... « Để đi vào con đường sống, cần giải quyết mâu thuẫn cơ bản đang tồn tại trong xã hội miền Bắc là mâu thuẫn giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa ». ... « Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội không phải chỉ là yêu cầu cấp bách của xu thế phát triển cách mạng ở miền Bắc, mà còn là yêu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong cả nước. Chỉ có đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội thì mới có thể củng cố và phát triển những thắng lợi cách mạng đã giành được, làm cho miền Bắc vững mạnh về mọi mặt, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà... » (47).

Đối với cách mạng miền Nam, đồng chí Lê Duẩn phân tích: « Để bảo vệ sinh mạng và quyền lợi thiết thân của mình, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác ngoài con đường đánh đổ chế độ độc tài phát xít của Mỹ - Diệm ». ... « Tiến hành cách mạng của miền Nam tức là giải quyết hai mâu thuẫn cơ bản tồn tại trong xã hội miền Nam hiện nay: một là, mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam và bọn đế quốc xâm lược, trước hết là đế quốc Mỹ, cùng bè lũ tay sai của chúng; hai là mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam, trước hết là nông dân, và giai cấp địa chủ phong kiến. Chỉ có giải quyết xong hai mâu thuẫn ấy thì nhân dân miền Nam mới có thể thoát khỏi cảnh lầm than khổ nhục hiện nay, và xã hội miền Nam mới có thể phát triển thuận lợi, tiến lên hòa hợp với xã hội miền Bắc thành một đơn vị thống nhất » (48).

Điều kiện chứng ở đây là Đại hội Đảng đã xác định hai nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và ở miền Nam tuy thuộc hai chiến lược cách mạng khác nhau « ... song hai nhiệm vụ đó trước mắt đều có một mục tiêu chung là thực hiện hòa, bình thống nhất Tổ quốc, đều nhằm giải quyết mâu thuẫn chung của cả nước là mâu thuẫn giữa nhân dân ta và đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai của chúng » (49).

Trong khi vạch ra hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng song song, Đại hội Đảng đã nhấn mạnh: « Nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc rõ ràng là nhiệm vụ quyết định nhất đối

với sự phát triển toàn bộ cách mạng nước ta, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà của nhân dân ta » (50). Mặt khác Đại hội đã nêu rõ tác dụng của cách mạng miền Nam « ... là phải trực tiếp làm nhiệm vụ đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai để giải phóng miền Nam, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước » ... « Muốn cho miền Bắc có hoàn cảnh hòa bình để xây dựng chủ nghĩa xã hội, muốn giữ gìn hòa bình ở Đông-dương và trên thế giới, miền Nam cần phải kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, làm thất bại chính sách xâm lược và chiến tranh của chúng, đánh đổ ách thống trị tàn bạo của chúng » (51).

Hoàn toàn nhất trí với bản báo cáo chính trị của đồng chí Lê Duẩn, Đại hội Đảng đã thông qua nghị quyết, xác định:

« Nhiệm vụ chung của cách mạng Việt-nam hiện nay là: tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới » (52).

Đây là lần đầu tiên từ khi đánh bại đế quốc Pháp (1954) Đại hội Đảng đã xây dựng hoàn chỉnh một đường lối cách mạng toàn diện cho đất nước đang bị tạm thời chia cắt. Nghị quyết này của Đại hội là sự chung đúc trí tuệ của toàn Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ tịch vĩ đại. Nghị quyết có giá trị khoa học rất cao và mang ý nghĩa lịch sử vô cùng to lớn. Nó trở thành nền tảng cho mọi chính sách cụ thể trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và trong sự nghiệp đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân cả nước, dẫn tới thành công vĩ đại ngày nay của dân tộc ta.

### 3. Giải quyết những vấn đề cơ bản trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trong lịch sử 30 năm đấu tranh của mình, đây là lần đầu tiên Đảng ta bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, một mục tiêu cao cả mà từ ngày mới thành lập Đảng đã nêu lên.

Thật vậy, Luận cương chính trị 1930 của Đảng đã nói đến khả năng nước ta có thể



bỏ qua thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Khả năng ấy ngày nay đã trở thành hiện thực, và Đại hội Đảng lần thứ ba đã giải quyết vấn đề này một cách toàn diện:

Trước hết Đại hội đã xác định đường lối xây dựng kinh tế. « Báo cáo về nhiệm vụ và phương hướng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) » do đồng chí Nguyễn Duy Trinh trình bày được coi là một trong những bản báo cáo chính trước Đại hội. Nghị quyết Đại hội cũng giành một phần quan trọng để giải quyết vấn đề này.

Luận điểm chính của Đại hội là: « Muốn đạt mục tiêu ấy phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa tư doanh; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật, biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến » (53).

Với luận điểm này Đại hội coi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công cuộc cách mạng, cải tạo cái cũ, xây dựng cái mới, « Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt, nhằm đưa miền Bắc nước ta từ nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từ tình trạng kinh tế rời rạc và lạc hậu tiến lên một nền kinh tế cân đối và hiện đại » (54).

Như vậy trong cuộc đấu tranh giai cấp để tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải vừa cải tạo vừa xây dựng, mà xây dựng là mặt chủ yếu. Đại hội vạch rõ: « Nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ ở miền Bắc nước ta là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ».

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã được Đại hội thông qua trên những nét lớn nhằm thực hiện mục tiêu: « Phần đầu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục

đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội » (55).

Trong khi đưa nhiệm vụ xây dựng kinh tế lên vị trí của một nhiệm vụ trung tâm, Đại hội cũng nhấn mạnh đầy đủ vị trí quyết định của các vấn đề chính trị, như: tăng cường vai trò của Nhà nước dân chủ nhân dân, bảo đảm thực chất của nền chuyên chính vô sản, tăng cường công tác đấu tranh chống bọn phản cách mạng, tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất, phát huy vai trò của giai cấp công nhân và của tổ chức Công đoàn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Những bản tham luận chủ yếu của các đồng chí Phạm Văn Đồng, Trần Quốc Hoàn, Tôn Đức Thắng, Hoàng Quốc Việt về các vấn đề chính trị nói trên đã phát triển một cách sâu rộng và toàn diện lý luận của Đảng về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh nước ta.

#### 4. Giải quyết một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong công tác xây dựng Đảng.

*Báo cáo về việc sửa đổi điều lệ Đảng* do đồng chí Lê Đức Thọ trình bày trước Đại hội là một bản tổng kết rất quan trọng những kinh nghiệm về xây dựng Đảng trong nhiều năm qua.

Từ ngày thành lập Đảng đến trước năm 1960, Đảng ta đã ba lần xây dựng Điều lệ Đảng. Lần này, trong Đại hội III là lần thứ tư Đảng xây dựng điều lệ mới trên cơ sở sửa đổi một số điểm trong Điều lệ Đảng Lao động Việt-nam mà Đại hội II đã thông qua.

Trước khi nói đến những vấn đề quy tắc cụ thể, đồng chí Lê Đức Thọ đã nêu lên những vấn đề lý luận quan trọng có tính chất cương lĩnh chung để xây dựng Đảng.

Hồi ấy, Đảng ta đã bước vào một giai đoạn lịch sử mới. Tình hình và nhiệm vụ cách mạng đặt ra cho công tác xây dựng Đảng những yêu cầu mới, cấp hơn. Để nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, để Đảng có thể làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà và có đủ khả năng quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế và văn hóa, xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, công tác xây dựng Đảng phải: « Nâng vững tinh giai cấp và tinh chất tiên phong của Đảng » (56); « nâng cao trình độ lý luận và tư tưởng trong Đảng » (57); « mở rộng dân chủ và tăng cường tập trung trong sinh hoạt của Đảng » (58); « thấu suốt đường lối quản

chúng của Đảng» (59); «lăng cường đoàn kết và thống nhất trong Đảng trên cơ sở đầy mạnh phê bình và tự phê bình»; «lăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng» đối với cơ quan Nhà nước và các tổ chức quần chúng (61).

Những vấn đề lý luận xây dựng Đảng trên đây, Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng vẫn hằng nhắc nhở cán bộ, đảng viên thực hiện. Đến nay các nguyên tắc đó được hệ thống hóa lại và phân tích một cách sâu sắc.

Về những vấn đề cụ thể được sửa đổi trong điều lệ Đảng, chúng ta có thể so sánh hai bản «*Điều lệ Đảng Lao động Việt-nam*» năm 1951 và năm 1960 để thấy một số điểm đáng chú ý:

— Phần cương lĩnh chung của Điều lệ nói rõ: *Đảng Lao động Việt-nam là Đảng của giai cấp công nhân*, là đội tiên phong có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân... Mục đích của Đảng là tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt-nam. Đây là những điểm mà bản điều lệ cũ chưa nói một cách đầy đủ, rõ rệt khi Đảng vừa mới ra công khai.

— Với tinh thần chú ý hấp thu nhiều lực lượng cách mạng trẻ vào trong Đảng, bản điều lệ mới chẳng những chú ý nhiều đến vấn đề xây dựng Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam, mà còn quy định: «*Ở những nơi có chi đoàn Thanh niên Lao động thì người thanh niên từ 18 đến 26 tuổi phải là đoàn viên mới được kết nạp vào Đảng*».

— Về thủ tục kết nạp Đảng viên, bản điều lệ cũ phân biệt tách bạch loại a là những người xuất thân công nhân, cố, bản nông, dân nghèo thành thị; loại b là trung nông, loại c là các thành phần khác v.v... mỗi loại được hưởng những điều kiện khác nhau về số người giới thiệu vào Đảng, thời gian tuổi Đảng của những người giới thiệu, và thời gian dự bị mà người mới được kết nạp Đảng phải trải qua (62). Bản điều lệ mới quy định vấn đề thủ tục kết nạp Đảng giản dị hơn trước: Tất cả mọi người vào Đảng đều phải có hai đảng viên chính thức ít nhất một năm tuổi Đảng và đã cùng công tác trên một năm giới thiệu. Ngoài ra chỉ ưu tiên cho những người xuất thân thành phần công nhân được hưởng thời kỳ dự bị 9 tháng; các thành phần khác đều phải dự bị một năm. Điều sửa đổi mới này phản ánh tình hình thực tế của xã hội miền Bắc nước ta sau khi đã xóa bỏ giai cấp địa chủ, bước đầu cải tạo giai cấp tư

sản dân tộc, và ở nông thôn thì đã cơ bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp.

— Về bộ máy tổ chức của Đảng, điều lệ mới đặt vấn đề giải thể cấp khu ủy ở đồng bằng, chỉ đề cấp khu ở các vùng dân tộc tự trị. Điều lệ còn quy định thành lập các ban chuyên môn để giúp việc Ban chấp hành Trung ương cũng như các cấp ủy Đảng ở địa phương. Mặt khác điều lệ cũng quy định lại hình thức tổ chức cơ sở của Đảng: Trước kia, chi bộ là tổ chức cơ sở của Đảng ở tất cả các đơn vị cơ sở. Ngày nay có nhiều xã, nhiều xí nghiệp, cơ quan, công trường, mà số đảng viên đã đông lên quá 50 người, thì phải chia làm nhiều chi bộ. Vì vậy ở những đơn vị cơ sở này, tổ chức cơ sở của Đảng là Đảng ủy cơ sở chứ không phải là chi bộ.

Mấy điều sửa đổi trên đây cũng phản ánh rõ thêm sự lớn mạnh của Đảng về mặt tổ chức.

— Cuối cùng, một vấn đề có ý nghĩa lý luận đáng chú ý: Bản điều lệ cũ đã đặt vấn đề khen thưởng đi đôi với vấn đề kỷ luật ở trong Đảng. Cách đặt vấn đề như thế có tác dụng tốt nhất định trong một thời gian. Nhưng đến nay, «*với sự trưởng thành của Đảng, với yêu cầu nâng cao hơn nữa tiêu chuẩn đảng viên, việc đó ngày nay xét thấy không cần thiết nữa*. Bởi vì, một khi người đảng viên cộng sản hiểu rõ nhiệm vụ của mình, có nhiệt tình cách mạng cao, thì phần thưởng quý giá nhất đối với họ là kết quả của công tác, là sự tin nhiệm của quần chúng nhân dân» (63). Vì vậy bản điều lệ mới chỉ đặt vấn đề kỷ luật, mà bỏ vấn đề khen thưởng trong nội bộ Đảng.

### 5. Xác định phương hướng công tác tư tưởng trong giai đoạn mới của cách mạng

Đại hội Đảng lần thứ ba hết sức coi trọng công tác tư tưởng trong nội bộ Đảng cũng như trong toàn dân. Nghị quyết Đại hội ghi rõ: «*Đi đôi với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, cần phải đầy mạnh cuộc cách mạng xã hội về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật*». Tiếp ngay đó nghị quyết xác định: «*Mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng là làm cho tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lên-in chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần của nước ta và trở thành hệ tư tưởng của toàn dân, trên cơ sở đó mà xây dựng đạo đức mới của nhân dân ta*». (64).

Báo cáo của đồng chí Trường-Chinh về «*Công tác tư tưởng của Đảng*» đã làm sáng tỏ quan điểm này trong nghị quyết của Đại hội.

Qua bản báo cáo, chúng ta càng thấy rõ quá trình công tác tư tưởng và đấu tranh tư

tướng của Đảng. Từ ngày thành lập, Đảng ta đã từng đấu tranh bền bỉ và liên tục chống lại những tư tưởng đế quốc, phong kiến và ảnh hưởng cực kỳ tai hại của những tư tưởng ấy trong Đảng và trong quần chúng nhân dân, chống chủ nghĩa dân tộc cải lương và chủ nghĩa tôn giáo, chống chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và chủ nghĩa tự ty dân tộc v.v... Ngoài ra Đảng ta còn phải chống những chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh hoặc « tả » khuynh trong hàng ngũ của mình. Qua cuộc đấu tranh lâu dài ấy Đảng đã giáo dục lập trường quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lê-nin cho cán bộ đảng viên, và xây dựng đường lối chính trị đúng đắn của Đảng.

Đồng chí Trường-Chinh cũng nhắc lại cuộc đấu tranh chống bọn phá hoại « Nhân văn - Giai phẩm » năm 1956-1958, cuộc biện luận về hai con đường ở nông thôn mùa thu năm 1959, và đề cập đến vấn đề chống sùng bái cá nhân với tác dụng hai mặt của nó, nhắc chúng ta chú ý đề phòng chủ nghĩa xét lại lợi dụng chống sùng bái cá nhân để xuyên tạc công tác tư tưởng của Đảng.

Phân tích tình hình tư tưởng hiện tại trong nhân dân ta và trong Đảng, đồng chí nói: « Trong quần chúng nhân dân ta ở miền Bắc hiện nay tư tưởng chiếm ưu thế là tư tưởng yêu nước... xu thế xã hội chủ nghĩa là xu thế chủ yếu trong quần chúng nhân dân lao động, nhất là trong quần chúng công nông. Nhưng bên cạnh mặt chủ yếu ấy, tư tưởng tư hữu và tập quán sản xuất cá thể vẫn còn khá phổ biến... cán bộ, đảng viên chúng ta cần bản là tốt... nhưng... đại đa số cán bộ, đảng viên chúng ta đều xuất thân từ thành phần tiểu tư sản (bao gồm nông dân và tiểu tư sản thành thị) lại sống và hoạt động trong quần chúng phần lớn cũng là tiểu tư sản... Vì vậy sự tồn tại khá phổ biến của tư tưởng tiểu tư sản trong cán bộ, đảng viên chúng ta là một điều dễ hiểu (65).

Phân tích đặc điểm của giai cấp tiểu tư sản, đồng chí Trường-Chinh nói: « Nếu không được Đảng của giai cấp công nhân giáo dục thì giai cấp tiểu tư sản thường lấy quan điểm của giai cấp tư sản làm quan điểm của mình. Cho nên giữa tư tưởng tiểu tư sản và tư tưởng tư sản vốn có một mối liên hệ rất mật thiết... Đứng giữa hai mặt trận tư tưởng, giai cấp tiểu tư sản nếu không đi theo giai cấp vô sản thì nhất định đi theo giai cấp tư sản, không thể có một con đường độc lập riêng biệt của mình » (66).

Luận điểm cơ bản sau đây đã được nêu cao trước Đại hội: « Xóa bỏ đến tận gốc hệ tư tưởng của giai cấp tư sản là nội dung cơ bản của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng. Đó là một vấn đề nguyên tắc, không thể có thái độ nhân nhượng, thỏa hiệp » (67).

Lần đầu tiên, vấn đề phương hướng và mức độ của công tác tư tưởng trong xã hội nói chung và trong Đảng nói riêng được xác định một cách cụ thể và có hệ thống: « a. Chung trong xã hội miền Bắc thì công tác giáo dục và đấu tranh tư tưởng phải nhằm nâng cao không ngừng trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần yêu nước, ý chí thống nhất nước nhà và ý thức làm chủ của nhân dân ta chống lại mọi biểu hiện của tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, tiếp tục xóa bỏ mọi tàn tích của tư tưởng phong kiến và các tư tưởng sai lầm khác ». b. Riêng trong Đảng thì « công tác tư tưởng là nhằm bồi dưỡng tư tưởng vô sản trên cơ sở giáo dục một cách có hệ thống chủ nghĩa Mác-Lê-nin, chống ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, chống tư tưởng tiểu tư sản, tiếp tục xóa bỏ tàn tích của tư tưởng phong kiến và tư tưởng không vô sản khác » (68). Luận điểm tổng quát nói trên đã được đưa vào trong nghị quyết của Đại hội.

**N** NGÀY nay nghiên cứu lại toàn bộ các văn kiện Đại hội lần thứ ba của Đảng, mỗi người chúng ta đều thấy tự hào về sự trưởng thành của Đảng, về sự sáng suốt và chính xác trong đường lối mọi mặt mà Đại hội đã vạch ra.

Đại hội III đã bầu ra một Ban chấp hành Trung ương gồm 13 ủy viên chính thức và 28 ủy viên dự khuyết với đồng chí Hồ Chí Minh kính mến là Chủ tịch Đảng và đồng chí

Lê Duẩn là Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Hồ Chủ tịch và của Ban chấp hành Trung ương Đảng, trong 16 năm qua từ 1960 đến nay toàn Đảng, toàn dân ta đã thực hiện đầy đủ nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ ba, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc làm cơ sở cho cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước và đã giành được thắng lợi vô cùng to lớn—trong năm 1975,

hoàn toàn giải phóng miền Nam, tiến lên thực hiện trọn vẹn sự nghiệp hòa bình thống nhất nước nhà.

Trong lời kêu gọi gửi toàn thể đồng bào và các đồng chí đảng viên, Đại hội Đảng lần thứ ba đã tổng kết lại như sau: « Mỗi cuộc Đại hội của Đảng đánh dấu một bước tiến lớn

của nhân dân ta trên con đường đoàn kết, đấu tranh và chiến thắng. Mỗi cuộc Đại hội lại đánh dấu một bước trưởng thành của Đảng ta về mọi mặt, làm cho Đảng ta càng xứng đáng là người lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác » (69).

### CHÚ THÍCH

- (1) Xem bài giảng Trường Nguyễn Ái Quốc về Lịch sử Đảng, thời kỳ thoái trào.
- (2) Xem Tạp chí « Quốc tế Cộng sản » số tháng 4-1934, bài « Cuộc nói chuyện với các đồng chí Cộng sản Đông-dương ».
- (3) Xem « Văn kiện Đảng 1929 - 1935 », Nhà xuất bản Sự thật 1964, trang 383 - 401.
- (4) Như trên, trang 388.
- (5) Xem « Hồi ký của đồng chí Xô ».
- (6) Xem « Văn kiện Đảng 1929 - 1935 » trang 126 - 427
- (7) Như trên, trang 428.
- (8) Như trên, trang 429.
- (9) Như trên, trang 432.
- (10) Như trên, trang 433 - 434.
- (11) Như trên, trang 433 - 434
- (12) Như trên, trang 565.
- (13) Như trên, trang 144.
- (14) Như trên, trang 199.
- (15) Như trên, trang 519.
- (16) Xem « Văn kiện Đảng 1935 - 1939 » Nhà xuất bản Sự thật 1961, trang 165.
- (17) Xem Văn kiện Đảng 1929 - 1935, trang 501 - 502.
- (18) Như trên, trang 491.
- (19) Xem « Văn kiện Đảng 1935 - 1939 », trang 58.
- (20) Như trên, trang 41 và 47.
- (21) Như trên, trang 83.
- (22) Như trên, trang 125.
- (23) Xem « Bốn mươi lăm năm hoạt động của Đảng Lao động Việt-nam » Nhà xuất bản Sự thật 1975, trang 24.
- (24) Xem « Văn kiện toàn quốc đại biểu Đại hội lần thứ hai của Đảng » Ban nghiên cứu lịch sử Đảng xuất bản 1965, trang 8.
- (25) Như trên, trang 13.
- (26) Như trên, trang 8.
- (27) Xem báo Nhân dân, số 1, ngày 11-3-1951.
- (28) Xem « Văn kiện toàn quốc đại biểu Đại hội lần thứ hai của Đảng », trang 19.
- (29) Như trên, trang 19.
- (30) Như trên, trang 29.
- (31) Như trên, trang 18.
- (32) Như trên các trang 59, 63, 68, 71.
- (33) Như trên, trang 101.
- (34) Như trên, trang 92.

- (35) Như trên, trang 99
- (36) Như trên, trang 267.
- (37) Như trên, trang 271 và 291
- (38) Như trên, trang 359.
- (39) Như trên, trang 117 - 118.
- (40) Như trên, trang 213 - 214.
- (41) Như trên, trang 45.
- (42) Xem « Văn kiện Đại hội » - Tập I. Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt-nam xuất bản 1960, trang 11.
- (43) Xem báo Nhân dân, số ra ngày 6-9-1960.
- (44) Xem « Văn kiện Đại hội » - Tập I, trang 9.
- (45) Như trên, trang 9 - 10.
- (46) Như trên, trang 11.
- (47) Như trên, trang 29 - 30.
- (48) Như trên, trang 30 - 31.
- (49) Như trên, trang 31.
- (50) Như trên, trang 33.
- (51) Như trên, trang 33 - 34.
- (52) Như trên, trang 175.
- (53) Như trên, trang 179 - 180
- (54) Như trên, trang 180.
- (55) Như trên, trang 187.
- (56) Xem « Văn kiện Đại hội » Tập II Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt-nam xuất bản 1960, trang 12.
- (57) Như trên, trang 25.
- (58) Như trên, trang 31.
- (59) Như trên, trang 42.
- (60) Như trên, trang 50.
- (61) Như trên, trang 56.
- (62) Xem « Văn kiện đại biểu Đại hội toàn quốc lần thứ hai của Đảng » trang 174 - 175.
- (63) Xem « Văn kiện Đại hội » - Tập II trang 12.
- (64) Xem « Văn kiện Đại hội » - Tập I, trang 185.
- (65) Xem « Những tham luận chủ yếu trước Đại hội ». Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt-nam xuất bản 1960, trang 11.
- (66) Như trên, trang 13.
- (67) Như trên, trang 15.
- (68) Như trên, trang 17.
- (69) Xem « Văn kiện Đại hội » - Tập I trang 203.